

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

KHOA KINH TẾ

HÀ THỊ HUẾ

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ
CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
THÀNH TRUNG

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mã sinh viên: 2453011097

NINH BÌNH, 2024

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA KINH TẾ

HÀ THỊ HUẾ

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ
CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
THÀNH TRUNG

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mã sinh viên: 2453011097

Người hướng dẫn: ThS. LÊ THỊ UYÊN

NINH BÌNH, 2024

LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam đoan rằng đây là công trình nghiên cứu của riêng cá nhân em và có sự hỗ trợ từ Giáo viên hướng dẫn là ThS. Lê Thị Uyên. Các nội dung nghiên cứu và kết quả trong đề tài này là trung thực và không sao chép của người khác.

Nếu phát hiện có bất kỳ sự gian lận nào em xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Hội đồng cũng như kết quả luận văn của mình.

Ninh Bình, ngày tháng 05 năm 2024.

Sinh viên

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Thị Huế

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

Sinh viên Hà Thị Huế đã nghiên cứu nghiêm túc và hoàn thành đúng tiến độ các giai đoạn của quá trình làm chuyên đề khoá luận tốt nghiệp. Có tinh thần học hỏi, tìm kiếm tài liệu và chỉnh sửa bài theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn. Các nội dung trình bày theo đúng đề cương đã được duyệt, đề tài đảm bảo tính khoa học và có ý nghĩa thực tiễn cao.

Ninh Bình, ngày tháng 05 năm 2024

Người hướng dẫn khoa học

ThS. Lê Thị Uyên

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC.....	ii
DANH MỤC BẢNG BIỂU	vii
DANH MỤC SƠ ĐỒ	ix
KÍ HIỆU VIẾT TẮT	x
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
5. Phương pháp nghiên cứu	4
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn	4
7. Bố cục khóa luận.....	5
PHẦN NỘI DUNG	6
Chương 1	6
LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP.....	6
1.1. TỔNG QUAN VỀ TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG	6
1.1.1. Khái niệm, vai trò và chức năng của tiền lương	6
1.1.1.1. Khái niệm tiền lương	6
1.1.1.2. Vai trò của tiền lương	7
1.1.1.3. Chức năng của tiền lương	8
1.1.2. Khái niệm, vai trò của các khoản trích theo lương	8
1.1.2.1. Khái niệm các khoản trích theo lương.....	8
1.1.2.2. Vai trò của các khoản trích theo lương.....	9
1.1.3. Các hình thức trả lương trong doanh nghiệp	10
1.1.3.1. Nguyên tắc tính trả lương	10
1.1.3.2. Hình thức trả lương theo thời gian	12
1.1.3.3. Hình thức trả lương theo sản phẩm	13

1.1.3.4. Hình thức trả lương khoán	15
1.1.3.5. Một số hình thức trả lương khác	15
1.1.4. Quỹ tiền lương trong doanh nghiệp	17
1.1.5. Chế độ trích lập, nộp và sử dụng các khoản trích theo lương	18
1.1.5.1. Bảo hiểm xã hội (BHXH)	18
1.1.5.2. Bảo hiểm y tế (BHYT)	19
1.1.5.3. Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN)	20
1.1.5.4. Kinh phí công đoàn (KPCĐ)	20
1.2. KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG	21
1.2.1. Nhiệm vụ của kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương	21
1.2.2. Kế toán tiền lương	22
1.2.2.1. Chứng từ kế toán	22
1.2.2.2. Tài khoản kế toán	23
1.2.2.3. Quy trình kế toán	23
1.2.3. Kế toán các khoản trích theo lương	24
1.2.3.1. Chứng từ kế toán	24
1.2.3.2. Tài khoản kế toán	25
1.2.3.3. Quy trình kế toán	27
1.2.4. Hệ thống sổ sách sử dụng trong kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương	27
1.2.4.1. Hình thức Nhật ký chung	28
1.2.4.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái	28
1.2.4.3. Hình thức Nhật ký chứng từ	28
1.2.4.4. Hình thức Chứng từ ghi sổ	28
1.2.4.5. Hình thức kế toán máy	28
Chương 2	29
THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI THÀNH TRUNG	29
2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI THÀNH TRUNG	29
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Xây dựng	29

và Thương mại Thành Trung.....	29
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Trung.....	30
2.1.2.1. Chức năng, nhiệm vụ và ngành nghề kinh doanh của Công ty	30
2.1.2.2. Đặc điểm về sản xuất của Công ty	31
2.1.3. Đặc điểm và tổ chức bộ máy quản lý của Công ty.....	32
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty	33
2.1.5. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty	35
2.1.5.1. Chế độ, chính sách kế toán áp dụng:.....	35
2.1.5.2. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán.....	35
2.1.5.3. Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán	37
2.1.5.4. Tổ chức sổ sách kế toán.....	37
2.1.5.5. Tổ chức báo cáo kế toán	38
2.1.6. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty	39
2.2. ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI THÀNH TRUNG.....	42
2.2.1. Đặc điểm về lao động, công tác quản lý lao động tại Công ty	42
2.2.2. Các hình thức trả lương tại công ty	44
2.2.2.1. Nguyên tắc tính trả lương	44
2.2.2.2. Các hình thức trả lương áp dụng tại Công ty.....	45
2.2.3. Chế độ trích lập, nộp và sử dụng các khoản trích theo lương tại Công ty.....	49
2.3. KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI THÀNH TRUNG.....	50
2.3.1. Kế toán tiền lương	50
2.3.1.1. Chứng từ kế toán	50
2.3.1.2. Tài khoản kế toán	51
2.3.1.3. Quy trình ghi sổ kế toán.....	51
2.3.2. Kế toán các khoản trích theo lương.....	78
2.3.2.1. Chứng từ kế toán	78

2.1.1.1. Tài khoản kế toán	84
2.3.2.2. Quy trình ghi sổ kế toán.....	85
Chương 3	92
MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI THÀNH TRUNG	92
3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH	92
THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI THÀNH TRUNG	92
3.1.1. Ưu điểm.....	92
3.1.2. Tồn tại	93
3.2. MỘT SỐ PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TIỀN	94
LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI THÀNH TRUNG	94
3.2.1. Về hình thức tiền lương	94
3.2.2. Về chế độ khen thưởng	94
3.2.3. Về ứng dụng công nghệ thông tin	95
3.3. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN GIẢI PHÁP	95
3.3.1. Đối với cá nhân – nhân viên kế toán.....	95
3.3.2. Đối với công ty.....	95
3.3.3. Về phía nhà nước.....	96
PHẦN KẾT LUẬN	97
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	99

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1. Tình hình tài chính kinh doanh của công ty trong 3 năm 2021-2022-2023	40
Biểu 2.2 - Bảng phân loại cơ cấu lao động	43
Biểu 2.3. Thuế suất Thuế TNCN	48
Biểu 2.4. Tỷ lệ trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ được áp dụng tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Trung.....	49
Biểu 2.5. Bảng chấm công nhân viên phòng kế toán tháng 01/2024	52
Biểu 2.6. Giấy đề nghị tạm ứng lương phòng tài chính kế toán	53
Biểu 2.7. Bảng kê tạm ứng lương bộ phận tài chính - kế toán.....	54
Biểu 2.8. Phiếu chi tạm ứng lương	55
Biểu 2.9. Bảng thanh toán tiền lương tháng 01/2024 của phòng Tài chính - Kế toán	56
Biểu 2.10. Hợp đồng giao khoán	59
Biểu 2.11. Phiếu xác nhận sản phẩm hoặc công việc hoàn thành GD 1	63
Biểu 2.12. Phiếu chi tạm ứng tiền công giao khoán giai đoạn 1.....	64
Biểu 2.13. Phiếu xác nhận sản phẩm hoặc công việc hoàn thành	65
giai đoạn còn lại	65
Biểu 2.14. Biên bản thanh lý (nghiem thu) hợp đồng giao khoán	66
.....	66
Biểu 2.15. Phiếu chi tiền theo HĐ số 02/2024/HĐGK-TT số tiền còn lại.....	68
Biểu 2.16. Bảng chấm phòng sản xuất.....	69
Biểu 2.17. Bảng thanh toán tiền lương cho bộ phận sản xuất.....	70
Biểu 2.18: Bảng tổng hợp thanh toán tiền lương toàn Công ty tháng 01/2024	73
Biểu 2.19: Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương tháng 01/2024	74
Biểu 2.20. Phiếu chi tiền lương cho toàn công ty tháng 01/2024	75
Biểu 2.21. Sổ chi tiết TK 334	76
Biểu 2.22. Sổ Nhật ký chung.....	77

Biểu 2.23. Sổ cái TK 334	78
Biểu 2.24: Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH của nhân viên phòng kế toán	80
Biểu 2.25: Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH của nhân viên phòng SX	81
Biểu số 2.27. Ủy nhiệm chi nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	84
Biểu 2.28. Sổ chi tiết tài khoản 3382	86
Biểu 2.29. Sổ chi tiết tài khoản 3383	87
Biểu 2.30. Sổ chi tiết tài khoản 3384	88
Biểu 2.31. Sổ chi tiết tài khoản 8336	89
Biểu 2.32. Sổ Nhật ký chung	90
Biểu 2.33. Sổ cái tài khoản 338	91

DANH MỤC SƠ ĐỒ

<u>Sơ đồ 1.1: Hạch toán tổng hợp các khoản phải trả người lao động</u>	<u>24</u>
<u>Sơ đồ 1.2: Hạch toán tổng hợp các khoản trích theo lương.....</u>	<u>27</u>
<u>Sơ đồ 2.1. Bộ máy tổ chức và quản lý của công ty</u>	<u>32</u>
<u>Sơ đồ 2.2. Bộ máy kế toán của công ty.....</u>	<u>34</u>
<u>Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung</u>	<u>38</u>

KÍ HIỆU VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Tên đầy đủ tiếng Việt
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
BHXXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
NLĐ	Người lao động
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TK	Tài khoản
VNĐ	Việt nam đồng
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
BPQLDN	Bộ phận quản lý doanh nghiệp
UNC	Ủy nhiệm chi
GĐ	Giai đoạn
SX	Sản xuất

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Nền kinh tế nước ta đã và đang chuyển mình bước vào giai đoạn phát triển mới trong thế kỷ XXI, cùng với sự phát triển đó thì yếu tố con người được đặt lên hàng đầu. Việc tận dụng hiệu quả năng suất làm việc của người lao động là vấn đề các nhà quản lý rất quan tâm. Một trong những động lực thúc đẩy người lao động làm việc chính là lợi ích họ có thể nhận được như mức lương, phúc lợi xã hội, tiền thưởng,...

Tiền lương chính là biểu hiện bằng tiền mà công ty phải trả cho người lao động tương ứng với thời gian, chất lượng lao động mà họ đã cống hiến trong quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. Đi đôi với tiền lương là các khoản trích theo lương bao gồm: BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ. Hai vấn đề này luôn là đề tài được mọi đối tượng trong doanh nghiệp quan tâm tới.

Chính sách tiền lương được vận dụng đúng đắn và phù hợp ở mỗi doanh nghiệp có thể phát huy được tính sáng tạo, năng lực quản lý, tinh thần trách nhiệm và sự gắn bó của người lao động đối với doanh nghiệp, từ đó mới có thể phát huy nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Vì vậy, việc xây dựng công tác thanh toán tiền lương, lựa chọn hình thức trả lương và phân bổ tiền lương hợp lý để có thể đảm bảo được nhu cầu quyền lợi của người lao động, đồng thời là động lực thúc đẩy người lao động làm việc tốt hơn, có tinh thần trách nhiệm hơn với công việc thực sự là điều vô cùng cần thiết.

Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Trung đang trên đà phát triển và mở rộng quy mô không ngừng, nhận rõ được sự cần thiết của kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Trung cũng đã và đang vận hành công tác kế toán một cách khoa học. Công ty luôn quan tâm đến việc đào tạo, nâng cao trình độ nhân viên phòng kế toán, đội ngũ kế toán tương đối vững mạnh, có chuyên môn và kinh nghiệm công việc. Tuy nhiên, Công ty trong quá trình quản lý tiền lương, thưởng còn chưa khoa học, chưa tạo được động lực cho người lao động. Từ những kiến

thức đã học về chuyên ngành kế toán cùng với được tiếp cận trong điều kiện thực tế, em đã lựa chọn đề tài “*Thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Trung*” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay để kinh doanh đạt hiệu quả cao, có thể tồn tại và phát triển ngày càng vững chắc thì công tác kế toán phải luôn được củng cố và hoàn thiện để phù hợp với chế độ hiện hành. Cũng chính vì thế đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về công tác kế toán nói chung và kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương nói riêng. Có thể điểm qua một số tác giả với một số đề tài cơ bản như sau:

Tác giả Nguyễn Thị Hương Giang (2022) Trường Đại học Hoa Lư với đề tài: “*Thực trạng và một số giải pháp hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Minh Trang*” đã nghiên cứu thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty trên cơ sở lý luận chung, từ đó đưa ra giải pháp hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại đơn vị. Tuy nhiên trong đề tài chưa có giải pháp rõ ràng, cụ thể về việc chấm công và quản lý lao động.

Tác giả Bùi Thị Minh Hải (2023) Trường Đại học Hoa Lư với đề tài “*Thực trạng và giải pháp hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Hải Nam*” có sự đầu tư nghiên cứu, tìm tòi tài liệu và điều tra thực trạng tại đơn vị để tìm ra giải pháp hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương song vẫn còn tồn tại một số mặt hạn chế khi ít đề cập tới chế độ lương, thưởng cho người lao động nhằm khuyến khích sản xuất kinh doanh.

Tác giả Tạ Thị Lương (2023) Trường Đại học Hoa Lư với đề tài: “*Thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH may Đông Thịnh Hưng*” đã nghiên cứu kỹ càng và khá hoàn thiện về công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương. Trong đề tài tác giả chỉ ra một

số thành tựu mà doanh nghiệp đạt được. Tuy nhiên Công ty vẫn còn nhiều mặt hạn chế trong công tác kế toán tiền lương. Nổi bật như: hình thức chấm công thủ công hay việc hạch toán, luân chuyển tiền lương tại Công ty còn chậm trễ. Từ đó, tác giả đã đưa ra một số giải pháp để góp phần hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty may Đông Thịnh Hưng.

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Trung, em nhận thấy công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương của Công ty vẫn còn nhiều mặt hạn chế. Tuy nhiên lại chưa có đề tài nào nghiên cứu về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty này. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề nêu trên em đã lựa chọn đề tài “*Thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Trung*”. Với mục đích cố gắng thực tập, nghiên cứu thực trạng của Công ty để từ đó đưa ra được ưu điểm, nhược điểm của Công ty và một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương cho Công ty.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích

Tìm hiểu và đánh giá thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Trung để đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, nhiệm vụ của nghiên cứu khóa luận là:

- Luận giải các khái niệm, đặc điểm, nội dung của Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.
- Phân tích thực trạng Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Trung.
- Đưa ra một số đánh giá về đề xuất giải pháp chủ yếu cho việc hoàn

thiện Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Trung.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng

Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Trung.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- **Phạm vi về không gian:** Đề tài nghiên cứu phân hành kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Trung.

- **Phạm vi về thời gian:** Nghiên cứu trong phạm vi các tài liệu về tình hình tài chính và công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương của Công ty qua các năm 2021, 2022, 2023 và 2024.

5. Phương pháp nghiên cứu

- **Phương pháp quan sát:** Thực hiện quan sát các hoạt động của doanh nghiệp, bộ máy kế toán và công việc của các nhân viên trong Công ty, đặc biệt là nhân viên phân hành kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

- **Phương pháp thực nghiệm:** Thực tập phân hành kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty.

- **Phương pháp tính toán, phân tích, tổng hợp số liệu.**

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học

Đề tài góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận nghiên cứu về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp xác định yếu tố ảnh hưởng và tìm ra giải pháp để nâng cao chất lượng công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn:

Kết quả nghiên cứu góp phần nâng cao hiệu quả công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương

mại Thành Trung. Ngoài ra đề tài còn là tài liệu tham khảo hữu ích cho sinh viên ngành kế toán.

7. Bố cục khóa luận

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận Khóa Luận gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận cơ bản về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Trung.

Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích tiền lương tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Trung.

PHẦN NỘI DUNG**Chương 1****LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP****1.1. TỔNG QUAN VỀ TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG****1.1.1. Khái niệm, vai trò và chức năng của tiền lương****1.1.1.1. Khái niệm tiền lương**

Tiền lương là giá cả của sức lao động, là phần thù lao lao động được biểu hiện bằng tiền mà doanh nghiệp (người sử dụng lao động) trả cho người lao động căn cứ và thời gian, khối lượng và chất lượng công việc của họ đã làm, tuân theo quy luật cung cầu, quy luật giá trị và pháp luật của Nhà nước.

Bên cạnh đó, tiền công là một biểu hiện, một tên gọi khác của tiền lương. Tiền công gắn trực tiếp hơn với các quan hệ thỏa thuận mua bán sức lao động và thường được sử dụng trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các hợp đồng dân sự thuê mướn lao động có thời hạn. Khái niệm tiền công được sử dụng phổ biến trong những thỏa thuận thuê nhân công trên thị trường tự do và có thể gọi là giá công lao động. Trong nền kinh tế thị trường phát triển khái niệm tiền lương và tiền công được xem là đồng nhất cả về bản chất kinh tế, phạm vi và đối tượng áp dụng.

Tiền lương bao gồm tiền lương danh nghĩa và tiền lương thực tế:

- Tiền lương danh nghĩa là số tiền người sử dụng lao động trả cho người lao động. Số tiền này nhiều hay ít là phụ thuộc vào năng suất lao động và hiệu quả làm việc của người lao động.

- Tiền lương thực tế là số lượng các loại hàng hóa tiêu dùng và các loại dịch vụ cần thiết mà người lao động có thể mua được bằng tiền lương danh nghĩa của họ. Tiền lương thực tế phụ thuộc vào tiền lương danh nghĩa và sự biến động của giá cả. Trong xã hội, người lao động quan tâm nhất và trước hết là lương thực tế vì tiền lương thực tế phản ánh mức sống thực tế của họ và đó cũng là đối tượng quản lý trực tiếp trong các chính sách về thu nhập tiền lương của Nhà nước.

1.1.1.2. Vai trò của tiền lương

Trong đời sống xã hội và trong doanh nghiệp, tiền lương đóng vai trò đặc biệt quan trọng, nó không chỉ đảm bảo cho đời sống của người lao động tái sản xuất sức lao động mà còn là một công cụ để quản lý doanh nghiệp là đòn bẩy kinh tế hiệu lực.

- *Vai trò đảm bảo tái sản xuất sức lao động*: Quá trình tái sản xuất sức lao động được thực hiện bởi việc trả công cho người lao động thông qua tiền lương. Để tái sản xuất sức lao động, tiền lương phải đảm bảo tiêu dùng cho cá nhân người lao động và gia đình họ. Để thực hiện chính sách này trong công tác tiền lương Nhà nước phải định mức lương tối thiểu. Mức lương tối thiểu là nền tảng cho chính sách tiền lương và việc trả lương của các doanh nghiệp, bởi vậy nó phải được thể chế bằng pháp luật buộc mọi doanh nghiệp khi sử dụng lao động phải thực hiện. Mức lương tối thiểu được ấn định theo giá sinh hoạt, đảm bảo cho người lao động làm việc đơn giản nhất trong điều kiện lao động bình thường bù đắp sức lao động giản đơn và một phần tích lũy tái sản xuất sức lao động mở rộng, mức lương tối thiểu làm căn cứ để tính các mức lương cho các loại lao động khác.

- *Vai trò đòn bẩy kinh tế*: Tiền lương có tác dụng kích thích lợi ích vật chất đối với người lao động làm cho họ vì lợi ích vật chất của bản thân và gia đình mình mà lao động một cách tích cực với chất lượng kết quả ngày càng cao. Để trở thành đòn bẩy kinh tế, việc trả lương phải gắn liền với kết quả lao động, tổ chức tiền lương phải nhằm khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả lao động. Làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng. Bội số của tiền lương phải phản ánh đúng sự khác biệt trong tiền lương giữa loại lao động có trình độ thấp nhất và cao nhất được hình thành trong quá trình lao động.

- *Vai trò quản lý lao động của tiền lương*: Vì mục đích cuối cùng của các nhà quản trị là lợi nhuận cao nhất. Để đạt được mục tiêu đó họ phải biết kết hợp nhịp nhàng và quản lý một cách có nghệ thuật các yếu tố trong quá trình kinh

doanh. Người sử dụng lao động có thể tiến hành kiểm tra giám sát, theo dõi người lao động làm việc theo kế hoạch tổ chức của mình thông qua việc chi trả lương cho họ, đảm bảo chi phí mà họ bỏ ra phải đem lại kết quả và hiệu quả cao nhất. Qua đó người sử dụng lao động sẽ quản lý chặt chẽ về số lượng và chất lượng lao động của mình để trả công chính đáng cho người lao động.

1.1.1.3. Chức năng của tiền lương

- *Là thước đo giá trị*: Khi tiền lương mà doanh nghiệp trả cho người lao động tương ứng với giá trị sức lao động mà họ bỏ ra trong quá trình thực hiện công việc ta có thể xác định được hao phí lao động của toàn thể cộng đồng thông qua tổng quỹ lương cho toàn thể người lao động. Điều này cũng có nghĩa là công tác thống kê sẽ giúp cho nhà nước có thể hoạch định các chính sách điều chỉnh mức lương tối thiểu nhằm đảm bảo hợp lý thực tế phù hợp với chính sách của nhà nước.

- *Chức năng điều tiết lao động*: Trong việc thực hiện kế hoạch cân đối giữa các ngành, nghề ở các khu vực trên toàn quốc, Nhà nước thường thông qua hệ thống thang bảng lương, các chế độ phụ cấp cho từng ngành, nghề, khu vực để làm công cụ điều tiết lao động. Nhờ vậy, tiền lương cũng góp phần tạo ra một cơ cấu hợp lý để phát triển xã hội.

- *Chức năng tích lũy*: Đảm bảo tiền lương cho người lao động không chỉ giúp họ duy trì được cuộc sống hàng ngày mà còn dự phòng cho cuộc sống lâu dài khi họ hết khả năng lao động hoặc gặp bất trắc.

- *Công cụ quản lý nhà nước*: Nhà nước ban hành luật lao động để bảo vệ quyền làm việc, lợi ích và các quyền khác của người lao động để từ đó tạo điều kiện cho mối quan hệ lao động được hài hòa và ổn định nhằm góp phần phát huy trí sáng tạo và tài năng của người lao động nhằm đạt mục tiêu của doanh nghiệp về tăng năng suất, chất lượng lao động, tiến bộ xã hội,...

1.1.2. Khái niệm, vai trò của các khoản trích theo lương

1.1.2.1. Khái niệm các khoản trích theo lương

- **Bảo hiểm xã hội (BHXH):** Theo khoản 1 Điều 3 Luật Bảo hiểm xã hội 2014, Bảo hiểm xã hội là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết, trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội.

BHXH là một trong những nội dung quan trọng của chính sách an sinh xã hội mà Nhà nước đảm bảo cho người lao động, là một hệ thống các chế độ mà người lao động có quyền được hưởng phù hợp với quy định về quyền lợi dựa trên các quy định pháp lý của Nhà nước, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế và xã hội của đất nước.

- **Bảo hiểm y tế (BHYT):** BHYT là một khoản trợ cấp cho việc phòng chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho người lao động. Cơ quan bảo hiểm sẽ thanh toán về chi phí khám chữa bệnh theo tỷ lệ nhất định mà Nhà nước quy định cho những người đã tham gia đóng bảo hiểm y tế.

- **Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN):** BHTN là một trong những chính sách an sinh xã hội, thực hiện chức năng hỗ trợ một phần thu nhập của người lao động khi bị mất việc làm, giúp họ ổn định cuộc sống cá nhân và gia đình trong một chừng mực nhất định, từ đó tạo điều kiện cho họ tham gia vào thị trường lao động để họ có những cơ hội mới về việc làm.

- **Kinh phí công đoàn (KPCĐ):** KPCĐ là khoản tiền được thiết lập theo tỷ lệ quy định trên tổng quỹ lương thực tế phải trả cho toàn bộ công nhân viên trong doanh nghiệp nhằm chăm lo, bảo vệ quyền lợi chính đáng cho người lao động, đồng thời duy trì hoạt động công đoàn tại doanh nghiệp.

1.1.2.2. Vai trò của các khoản trích theo lương

❖ Vai trò:

Các khoản trích theo lương góp phần giúp người lao động yên tâm công tác, nhờ đó mà năng suất lao động sẽ ổn định và tăng lên. Bởi lẽ, người lao động biết rằng, cuộc sống của họ được đảm bảo khỏi những rủi ro thông qua hệ thống

an ninh xã hội (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) mà doanh nghiệp đang đóng phí chi trả cho người lao động để họ được tham gia vào hệ thống.

Hệ thống an ninh xã hội sẽ góp phần thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập khi người lao động bị ốm đau, mất việc làm, mất khả năng lao động hoặc chết, đáp ứng những nhu cầu thiết thực nhất của con người và góp phần ổn định nơi sống người lao động.

❖ Ý nghĩa:

Quản lý tốt việc trích lập các quỹ BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ có một ý nghĩa rất quan trọng trong việc đảm bảo quyền lợi của người lao động, mặt khác làm cho việc tính và phân bổ chi phí sản xuất kinh doanh vào giá thành sản phẩm và chính xác.

Tăng cường quản lý lao động, cải tiến và hoàn thiện việc phân bổ và sử dụng có hiệu quả lực lượng lao động, cải tiến và hoàn thiện chế độ tiền lương, chế độ sử dụng Quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn được xem là một phương tiện hữu hiệu để kích thích người lao động gắn bó với hoạt động sản xuất kinh doanh rèn luyện tay nghề nâng cao năng suất lao động.

Trên cơ sở các chính sách chế độ về lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn Nhà nước đã ban hành, các doanh nghiệp tùy thuộc vào đặc điểm ngành mình phải tổ chức tốt lao động nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời tính toán, thanh toán đầy đủ kịp thời các khoản tiền lương, tiền thưởng, BHXH, BHYT đúng chính sách, chế độ sử dụng tốt chi phí công đoàn nhằm khuyến khích người lao động thực hiện tốt nhiệm vụ, góp phần thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị.

1.1.3. Các hình thức trả lương trong doanh nghiệp

1.1.3.1. Nguyên tắc tính trả lương

Người lao động được trả lương trực tiếp, đầy đủ và đúng thời hạn. Trường hợp đặc biệt không thể trả lương đúng thời hạn thì không được chậm quá 01 tháng và người sử dụng lao động phải trả thêm cho người lao động một khoản

tiền ít nhất bằng lãi suất huy động tiền gửi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm trả lương. Dưới đây là các nguyên tắc trả lương:

- *Áp dụng trả lương ngang nhau cho những người lao động như nhau:* Nguyên tắc này dựa trên quy luật phân phối theo lao động, căn cứ vào số lượng, chất lượng lao động mà người lao động đã cống hiến để trả lương cho họ không phân biệt tuổi tác, giới tính.

- *Đảm bảo mối quan hệ hợp lý và tiền lương giữa những người làm những người khác nhau trong các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân:* Cơ sở của nguyên tắc này là căn cứ vào vai trò tái sản xuất sức lao động và kích thích sản xuất của tiền lương, do đó phải đảm bảo mối quan hệ hợp lý từ lương giữa các ngành.

- *Mức lương tối thiểu vùng* cũng là một trong những nguyên tắc mà doanh nghiệp cần phải đảm bảo cho người lao động khi tính và chi trả lương cho người lao động.

Chính phủ ban hành Nghị định 38/2012/NĐ-CP đã điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng tăng thêm bình quân 6% so với quyết định tại Nghị định 90/2019/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/07/2022 cụ thể như sau:

Bảng 1.1: Mức lương tối thiểu vùng hiện hành

Vùng	Mức lương tối thiểu tháng (ĐVT: Đồng/tháng)	Mức lương tối thiểu giờ (ĐVT: Đồng/giờ)
Vùng I	4.680.000	22.500
Vùng II	4.160.000	20.000
Vùng III	3.640.000	17.500
Vùng IV	3.250.000	15.600

- Người lao động làm công việc chức danh giản đơn nhất trong điều kiện lao động bình thường: Không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng tại thời điểm đóng.

- Người lao động làm công việc hoặc chức danh đòi hỏi lao động qua đào tạo, học nghề: Cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu vùng.

- Người lao động làm công việc hoặc chức danh trong điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: Cao hơn ít nhất 5% so với mức lương của công việc hoặc chức danh có độ phức tạp tương đương làm việc trong điều kiện lao động bình thường.

- Người lao động làm công việc hoặc chức danh trong điều kiện lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: Cao hơn ít nhất 7% so với mức lương của công việc hoặc chức danh có độ phức tạp tương đương làm việc trong điều kiện lao động bình thường.

1.1.3.2. Hình thức trả lương theo thời gian

Theo hình thức này, tiền lương trả cho người lao động được tính theo thời gian làm việc, cấp bậc và thang lương theo tiêu chuẩn nhà nước quy định.

***Trả lương theo thời gian giản đơn:** Chế độ trả lương này là chế độ trả lương mà tiền lương nhận được của mỗi người lao động do mức lương cấp bậc cao thấp và thời gian làm việc thực tế nhiều hay ít quyết định. Chế độ tiền lương này chỉ áp dụng khi doanh nghiệp ghi chép đầy đủ thời gian làm việc và có đơn giá tiền lương thời gian.

Tiền lương phải trả người lao động	=	Thời gian làm việc	x	Đơn giá tiền lương thời gian (áp dụng với từng bậc lương)
---------------------------------------	---	-----------------------	---	---

Có 4 loại tiền lương theo thời gian giản đơn:

Lương tháng: Là mức lương theo thang bảng lương do nhà nước quy định (+) tiền phụ cấp (nếu có).

Mức lương tháng	=	Mức lương tối thiểu	x	(Hệ số lương + Hệ số phụ cấp được hưởng)
-----------------	---	------------------------	---	---

Lương tuần: Là tiền lương trả cho 1 tuần làm việc và được tính như sau:

Tiền lương tuần	=	$\frac{\text{Tiền lương tháng}}{52 \text{ tuần}}$	x	12 tháng
--------------------	---	---	---	----------

Lương ngày: Là tiền lương trả cho một ngày làm việc và được tính như sau:

Tiền lương ngày	=	$\frac{\text{Tiền lương tháng}}{\text{Số ngày làm việc trong tháng}}$
-----------------	---	---

Lương giờ: Là tiền lương trả cho 1 giờ làm việc và được tính như sau:

Tiền lương giờ	=	$\frac{\text{Tiền lương ngày}}{\text{Số giờ tiêu chuẩn (không quá 8h/ngày)}}$
----------------	---	---

Làm thêm giờ: Là khoảng thời gian làm việc ngoài giờ làm việc bình thường quy định trong pháp luật, thỏa ước lao động tập thể hoặc theo nội quy lao động.

Tiền lương làm thêm giờ	=	$\frac{\text{Tiền lương giờ thực trả của công việc đang làm ngày bình thường}}{\begin{matrix} 150\% \\ 200\% \\ 300\% \end{matrix}} \times \begin{matrix} \text{Số giờ} \\ \text{làm thêm} \end{matrix}$
-------------------------	---	--

***Trả lương theo thời gian có thưởng:** Chế độ trả lương này là sự kết hợp giữa chế độ trả lương theo thời gian giản đơn và tiền thưởng khi đạt được chỉ tiêu về số lượng và chất lượng đã qui định.

Cách tính:

Mức lương	=	Lương tính theo thời gian giản đơn	+	Tiền lương
-----------	---	------------------------------------	---	------------

Hình thức trả lương theo thời gian có những ưu điểm và nhược điểm sau:

- **Ưu điểm:** Hình thức trả lương theo thời gian phù hợp với những công việc khó xác định được định mức lao động. Hình thức trả lương theo thời gian đơn giản, dễ tính toán.

- **Nhược điểm:** Hình thức trả lương này mang tính bình quân và chưa thực sự gắn kết với kết quả sản xuất, do đó không kích thích người lao động quan tâm tăng năng suất lao động. Doanh nghiệp sẽ không tính đúng, tính đủ các hao phí lao động sống vào giá tài sản xuất kinh doanh.

1.1.3.3. Hình thức trả lương theo sản phẩm

Tiền lương theo sản phẩm là hình thức trả lương theo sản lượng và chất lượng công việc đã hoàn thành. Hình thức này đảm bảo thực hiện đầy đủ nguyên tắc phân phối theo lao động, gắn chặt số lượng lao động với chất lượng lao động, động viên và khuyến khích người lao động nhiệt tình, say mê làm việc, tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội.

Việc trả lương theo sản phẩm có thể tiến hành theo những hình thức sau:

***Trả lương theo sản phẩm trực tiếp, không hạn chế** là tiền lương được tính bằng số lượng sản phẩm, công việc, lao vụ đã hoàn thành nhân với đơn giá tiền lương sản phẩm đã quy định, không hạn chế số lượng sản phẩm hoàn thành. Hình thức này được các doanh nghiệp sử dụng phổ biến để tính lương cho công nhân trực tiếp sản xuất hàng loạt sản phẩm.

***Trả lương theo sản phẩm gián tiếp:** theo hình thức này người ta căn cứ vào kết quả lao động của công nhân trực tiếp sản xuất để tính trả lương sản phẩm gián tiếp áp dụng cho công nhân phụ việc. Tiền lương được tính bằng tỷ lệ tiền lương của công nhân phụ việc so với tiền lương của công nhân trực tiếp sản xuất nhân với tiền lương của công nhân trực tiếp sản xuất.

***Trả lương theo sản phẩm có thưởng, có phạt:** Là tiền lương trả theo sản phẩm có gắn với chế độ tiền thưởng trong sản xuất như: thưởng tiết kiệm vật tư, thưởng nâng cao chất lượng sản phẩm, thưởng giảm tỷ lệ hàng hỏng có thể phạt trong những trường hợp người lao động làm ra sản phẩm hỏng. Hao phí vật tư, không đảm bảo ngày công quy định, không hoàn thành kế hoạch được giao. Theo cách này tiền lương được tính bằng tiền lương theo sản phẩm trực tiếp (gián tiếp) + tiền thưởng – tiền phạt.

Hình thức trả lương theo sản phẩm có những ưu điểm và nhược điểm sau:

- Ưu điểm:

+ Khuyến khích người lao động ra sức học tập, nâng cao trình độ lành nghề, tích lũy kinh nghiệm, rèn luyện kỹ năng, phát huy sức sáng tạo để nâng cao khả năng làm việc và năng suất lao động.

+ Trả lương theo sản phẩm có ý nghĩa to lớn trong việc nâng cao và hoàn thiện công tác quản lý, nâng cao tính tự chủ, chủ động trong làm việc của người lao động.

- **Nhược điểm:** Do trả lương theo sản phẩm nên người lao động dễ chạy theo số lượng, bỏ qua chất lượng, vi phạm quy trình kỹ thuật, sử dụng thiết bị qua mức và các hiện tượng tiêu cực khác.

1.1.3.4. Hình thức trả lương khoán

Hình thức trả lương theo lương khoán cũng là một hình thức trả lương khác của các doanh nghiệp ngoài các hình thức trả lương theo giờ, theo số lượng sản phẩm.

Trả lương theo lương khoán là dựa trên thỏa thuận từ người lao động và người sử dụng lao động. Hình thức này phù hợp với các công việc như đấu thầu xây dựng,...

Tiền lương	=	Mức lương khoán	x	Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc
------------	---	-----------------	---	--------------------------------------

Hình thức trả lương theo sản phẩm có những ưu điểm và nhược điểm sau:

- **Ưu điểm:** Trả lương theo hình thức này có tác dụng làm cho người lao động phát huy sáng kiến và tích cực cải tiến lao động để tối ưu hóa quá trình làm việc, giảm thời gian công việc, hoàn thành công việc giao khoán.

- **Nhược điểm:** Việc xác định đơn giá giao khoán phức tạp, nhiều khi khó chính xác, việc trả lương khoán có thể làm cho công nhân bị quan hay không chú ý đầy đủ đến một số việc bộ phận trong quá trình giao khoán. Vì vậy, muốn áp dụng phương pháp này thì công tác kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm trước khi giao nhận phải được coi trọng, thực hiện chặt chẽ.

1.1.3.5. Một số hình thức trả lương khác

❖ Chế độ thưởng:

Tiền thưởng thực chất là khoản tiền bổ sung cho tiền lương nhằm quán triệt hơn nguyên tắc phân phối theo lao động. Thông qua tiền thưởng, người lao động được thừa nhận trước doanh nghiệp và xã hội về những thành tích của

mình, đồng thời nó cổ vũ tinh thần cho toàn bộ doanh nghiệp phấn đấu đạt nhiều thành tích trong công việc.

Có hai loại tiền thưởng gồm: tiền thưởng thi đua và tiền thưởng trong sản xuất kinh doanh.

Tiền thưởng thi đua (thưởng không thường xuyên): Loại tiền thưởng này không thuộc quỹ lương mà được trích từ quỹ khen thưởng, khoản tiền này được trả dưới hình thức phân loại trong một kỳ (quý, nửa năm, năm).

Tiền thưởng trong sản xuất kinh doanh (thưởng thường xuyên): Hình thức này có tính chất lương, đây thực chất là một phần của quỹ lương được tách ra để trả cho người lao động dưới hình thức tiền thưởng cho một tiêu chí nhất định. Thưởng trong sản xuất kinh doanh bao gồm các hình thức thưởng sau:

- Thưởng tiết kiệm.
- Thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa công.
- Thưởng nâng cao chất lượng sản phẩm.

❖ **Chế độ phụ cấp:**

Phụ cấp là khoản tiền bổ sung cho tiền lương, bù đắp thêm cho người lao động khi họ phải làm việc trong những điều kiện không ổn định hoặc là không thuận lợi.

Khi cần khuyến khích, động viên những người có trình độ, có mức lương cao và những nơi cần thu hút, người ta tính phụ cấp trên mức lương cấp bậc, còn khi ảnh hưởng của các yếu tố cần phụ cấp tác động như nhau đến mọi người tham gia thì phụ cấp tính theo lương tối thiểu.

❖ *Có rất nhiều loại phụ cấp khác nhau:*

- Phụ cấp trách nhiệm công việc: áp dụng đối với thành viên không chuyên trách hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát (không kể trưởng ban kiểm soát) và những người làm một số công việc đòi hỏi trách nhiệm cao hoặc phải làm những công tác quản lý không phụ thuộc chức danh lãnh đạo.

- Phụ cấp độc hại nguy hiểm: áp dụng đối với người làm nghề hoặc công việc có điều kiện lao động độc hại, nguy hiểm, đặc biệt độc hại, nguy hiểm mà chưa được xác định trong lương.
- Phụ cấp khu vực: áp dụng đối với người làm việc ở vùng xa xôi, hẻo lánh và khí hậu xấu.
- Phụ cấp lưu động: áp dụng đối với người làm nghề hoặc công việc thường xuyên thay đổi địa điểm làm việc và nơi ở.
- Phụ cấp thu hút: áp dụng đối với người đến làm việc ở vùng kinh tế mới, cơ sở kinh tế và đảo xa có điều kiện sinh hoạt đặc biệt khó khăn.
- Ngoài ra, đối với cán bộ, công chức và các đối tượng lực lượng vũ trang còn có các loại phụ cấp cơ bản như: phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp kiêm nhiệm chức lãnh đạo, phụ cấp ưu đãi nghề.

1.1.4. Quỹ tiền lương trong doanh nghiệp

Quỹ tiền lương là toàn bộ số tiền lương tính theo số công nhân viên của doanh nghiệp do doanh nghiệp trực tiếp quản lý và chi trả lương, thành phần quỹ tiền lương bao gồm các khoản sau:

- Tiền lương trả cho người lao động trong thời gian làm việc thực tế (tiền lương thời gian và tiền lương sản phẩm).
- Các khoản phụ cấp thường xuyên (phụ cấp có tính chất tiền lương) như: phụ cấp học nghề, phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ, phụ cấp dạy nghề,...
- Tiền thưởng trong sản xuất kinh doanh (thưởng phát minh sáng kiến, thưởng tiết kiệm vật tư,...).

Quỹ tiền lương trong doanh nghiệp cần được quản lý và kiểm tra một cách chặt chẽ đảm bảo việc sử dụng quỹ tiền lương một cách hợp lý và có hiệu quả. Quỹ tiền lương thực tế phải được thường xuyên đối chiếu với quỹ lương kế hoạch trong mối quan hệ với việc thực hiện kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp trong kỳ đó nhằm phát hiện kịp thời những khoản tiền lương không hợp lý, kịp thời đề ra các biện pháp nhằm nâng cao năng suất lao động, đảm bảo thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, thực hiện nguyên tắc theo mức tăng năng

suất lao động bình quân nhanh hơn mức tăng tiền lương bình quân góp phần hạ thấp chi phí trong sản xuất hạ giá thành sản phẩm, tăng tích lũy xã hội.

Trong doanh nghiệp quỹ tiền lương bao gồm nhiều loại và có thể phân loại theo nhiều tiêu thức khác nhau theo chức năng của lao động phân loại quỹ tiền lương thành tiền lương chính và tiền lương phụ:

- Tiền lương chính: Là tiền lương trả cho người lao động trong thời gian người lao động thực hiện nhiệm vụ chính của họ, gồm tiền lương trả theo cấp bậc và các khoản phụ cấp kèm theo.

- Tiền lương phụ: Là tiền lương trả cho người lao động trong thời gian họ thực hiện nhiệm vụ khác, ngoài nhiệm vụ chính và thời gian của người lao động nghỉ phép, nghỉ Tết, nghỉ vì ngừng sản xuất,... được hưởng theo chế độ.

Tiền lương chính của công nhân trực tiếp sản xuất gắn liền với quá trình sản xuất ra sản phẩm, tiền lương phụ của công nhân trực tiếp sản xuất không gắn với từng loại sản phẩm. Cách phân loại này không những giúp cho việc tính toán, phân bổ chi phí tiền lương được chính xác mà còn cung cấp thông tin cho việc phân tích chi phí tiền lương.

1.1.5. Chế độ trích lập, nộp và sử dụng các khoản trích theo lương

Bảng 1.2: Tỷ lệ trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ

Các khoản bảo hiểm trích theo lương	Trích vào chi phí của doanh nghiệp	Trích vào lương của người lao động	Tổng
Bảo hiểm xã hội	17,5%	8%	25,5%
Bảo hiểm y tế	3%	1,5%	4,5%
Bảo hiểm thất nghiệp	1%	1%	2%
Kinh phí công đoàn	2%		2%
Tổng	23,5%	10,5%	34%

1.1.5.1. Bảo hiểm xã hội (BHXH)

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 3, Luật Bảo hiểm xã hội: Bảo hiểm xã hội là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi

họ bị giảm hoặc mức thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn giao thông, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết, trên cơ sở đóng góp vào quỹ bảo hiểm xã hội.

Quỹ Bảo hiểm xã hội được hình thành do việc trích lập theo tỷ lệ quy định là trên tiền lương phải trả công nhân viên trong kỳ. Theo chế độ hiện hành, hàng tháng doanh nghiệp tiến hành trích lập quỹ BHXH theo tỷ lệ 25,5% trên tổng số tiền lương thực tế phải trả công nhân viên hàng tháng, trong đó 17,5% tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của các đối tượng sử dụng lao động (gồm 3% vào bị ốm đau và thai sản, 14% và quỹ hưu trí và tử tuất, 0,5% và quỹ bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp) và 8% trừ vào lương của người lao động.

Quỹ BHXH được trích lập tạo ra nguồn vốn tài trợ cho người lao động trong trường hợp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động. Thực chất của BHXH là giúp mọi người đảm bảo về mặt xã hội để người lao động có thể duy trì và ổn định cuộc sống khi gặp khó khăn, rủi ro khiến họ mất sức lao động tạm thời hay vĩnh viễn.

Tại doanh nghiệp, hàng tháng doanh nghiệp trực tiếp chi trả BHXH cho công nhân viên bị ốm đau, thai sản,... trên cơ sở các chứng từ hợp lệ. Cuối tháng, doanh nghiệp phải quyết toán với cơ quan quản lý Quỹ bảo hiểm xã hội.

1.1.5.2. Bảo hiểm y tế (BHYT)

Bảo hiểm y tế là một chính sách xã hội do Nhà nước tổ chức thực hiện, nhằm huy động sự đóng góp của cộng đồng, chia sẻ rủi ro bệnh tật và giảm bớt gánh nặng tài chính của mỗi người khi ốm đau, bệnh tật, tạo nguồn tài chính hỗ trợ cho hoạt động y tế, thực hiện công bằng và nhân đạo trong lĩnh vực bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Nhiều người nhờ vào BHYT mà vượt qua được giai đoạn khó khăn khi điều trị bệnh.

Theo Khoản 1 Điều 7 Nghị định 146/2018/NĐ-CP về mức đóng BHYT khi làm việc tại doanh nghiệp và Khoản 1 Điều 18 Quyết định 595/QĐ-BHXH về trách nhiệm đóng BHYT, mức đóng BHYT khi người lao động làm việc tại

doanh nghiệp là 4,5% tiền lương tháng của người lao động (trong đó người sử dụng lao động đóng 3%, còn người lao động đóng 1,5%).

1.1.5.3. Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN)

Bảo hiểm thất nghiệp là chế độ bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi bị mất việc làm, hỗ trợ người lao động học nghề, duy trì và tìm kiếm việc làm trên cơ sở đóng vào quỹ BHTN (theo Khoản 4 Điều 3 Luật Việc làm 2013).

Theo quy định tại Điều 43 Luật Việc làm 2013, cả người lao động và người sử dụng lao động đều có trách nhiệm tham gia loại hình bảo hiểm này. Căn cứ Điều 57 luật Việc làm 2013 thì mức đóng bảo hiểm thất nghiệp khi người lao động làm việc tại các doanh nghiệp là 2% tiền lương tháng của người lao động (trong đó 1% tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, 1% còn lại trừ vào lương của người lao động).

Điều kiện để được hưởng bảo hiểm thất nghiệp:

- Đã chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc.

Trừ trường hợp: đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật, hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng.

- Đã đóng góp BHTN từ độ 12 tháng trở lên trong 24 tháng trước khi chấm dứt hợp đồng lao động.

- Đã nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp tại trung tâm dịch vụ việc làm trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động.

- Chưa tìm được việc làm sau 15 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ cho trung tâm dịch vụ việc làm.

Trừ các trường hợp: Thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bị tham giam, ra nước ngoài định cư,...

1.1.5.4. Kinh phí công đoàn (KPCĐ)

Kinh phí công đoàn là nguồn tài trợ cho hoạt động Đoàn ở các cấp và theo pháp luật hiện hành thì KPCĐ được trích theo tỷ lệ 2% trên tổng số tiền lương mà đơn vị sử dụng lao động phải trả cho người lao động. Khi trích kinh phí này thì 1/2 sẽ được nộp cho công đoàn cấp trên và 1/2 để lại cho hoạt động công

đoàn ở doanh nghiệp. Theo đó doanh nghiệp sẽ nộp KPCĐ mỗi tháng một lần vào thời điểm đóng BHXH, riêng với tổ chức, doanh nghiệp Nông - Lâm – Ngư – Diêm nghiệp sẽ được lựa chọn đóng theo tháng hoặc theo quý.

1.2. KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG

1.2.1. Nhiệm vụ của kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương và các khoản trích theo lương không chỉ là vấn đề quan tâm riêng của công nhân viên mà còn là vấn đề doanh nghiệp đặc biệt chú ý. Vì vậy, kế toán tiền lương cần phải thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

- Tổ chức ghi chép, phản ánh, tổng hợp một cách trung thực, kịp thời, đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về số lượng và chất lượng lao động, tình hình sử dụng thời gian lao động và kết quả lao động.

- Tính toán chính xác, kịp thời, đúng chính sách, chế độ các khoản tiền lương, tiền thưởng, các khoản trợ cấp phải trả cho người lao động. Phản ánh kịp thời, đầy đủ, chính xác tình hình thanh toán các khoản trên cho người lao động.

- Thực hiện việc kiểm tra tình hình huy động và sử dụng lao động, tình hình chấp hành các chính sách, chế độ về lao động tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ. Tình hình sử dụng quỹ tiền lương, quỹ BHXH, BHYT, KPCĐ.

- Tính toán và phân bổ chính xác, đúng đối tượng các khoản tiền lương, khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh. Hướng dẫn và kiểm tra các bộ phận trong đơn vị thực hiện đầy đủ, đúng đắn chế độ ghi chép ban đầu về lao động, tiền lương, BHXH, BHYT. Mở sổ kế toán và hạch toán lao động tiền lương, tiền thưởng BHXH, BHYT, KPCĐ đúng chế độ, đúng phương pháp kế toán.

- Lập các báo cáo về lao động, tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ thuộc phạm vi trách nhiệm của kế toán. Tổ phân tích tình hình sử dụng lao động, quỹ tiền lương, quỹ BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, đề xuất các biện pháp nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng lao động, tăng năng suất lao động. Đấu tranh chống những hành vi vi phạm kỷ luật lao động, tiền

lương, BHXH, BHYT, chế độ sử dụng chi tiêu kinh phí công đoàn, chế độ phân phối theo lao động.

1.2.2. Kế toán tiền lương

1.2.2.1. Chứng từ kế toán

Những chứng từ được sử dụng trong kế toán tiền lương đó là:

- *Hợp đồng lao động*: là sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả công, tiền lương, điều kiện lao động, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động.

- *Bảng chấm công (Mẫu số 01a-LĐTL)*: được sử dụng nhằm mục đích theo dõi ngày công thực tế làm việc, nghỉ việc, nghỉ ốm, nghỉ bảo hiểm xã hội của nhân viên làm căn cứ tính tiền lương, tiền bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên và quản lý trong doanh nghiệp.

- *Bảng chấm công làm thêm giờ (Mẫu số 01b-LĐTL)*: nhằm theo dõi ngày công thực tế làm thêm ngoài giờ, từ đó có căn cứ tính thời gian nghỉ bù hoặc thanh toán tiền lương cho người lao động.

- *Bảng thanh toán tiền lương (Mẫu số 02-LĐTL)*: là danh sách tất cả nhân viên và tổng số tiền lương mà công ty phải trả hàng tháng cho nhân viên.

Ngoài ra còn có một số chứng từ:

- *Bảng thanh toán tiền thưởng (Mẫu 03- LĐTL)*.

- *Phiếu xác nhận sản phẩm hoặc công việc hoàn thành (Mẫu số 05-LĐTL)*.

- *Bảng thanh toán tiền làm thêm giờ (Mẫu số 06-LĐTL)*.

Các chứng từ trên được sử dụng làm căn cứ ghi sổ kế toán trực tiếp hoặc làm cơ sở để tổng hợp rồi mới ghi vào sổ kế toán.

Khi thanh toán lương cho người lao động thì kế toán thường sử dụng Phiếu chi, Giấy báo nợ. Đây còn là cơ sở để các cơ quan có chức năng kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các quy định, chế độ của Nhà nước. Tùy thuộc vào đặc điểm sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp mà chọn những chứng từ cần thiết cho kế toán lương.

1.2.2.2. Tài khoản kế toán

Tài khoản 334 (Phải trả người lao động): là tài khoản được dùng để phản ánh các khoản phải trả và tình hình thanh toán các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội và các khoản khác thuộc về thu nhập của người lao động.

❖ *Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 334:*

Bên Nợ:

- Các khoản tiền lương, tiền công, tiền thưởng có tính chất lương, bảo hiểm xã hội và các khoản đã trả, đã chi, đã ứng trước cho người lao động.
- Các khoản khấu trừ vào tiền lương, tiền công của người lao động.

Bên Có:

- Các khoản tiền lương, tiền công, tiền thưởng có tính chất lương, bảo hiểm xã hội và các khoản phải trả, phải chi cho người lao động.

Số dư bên Nợ:

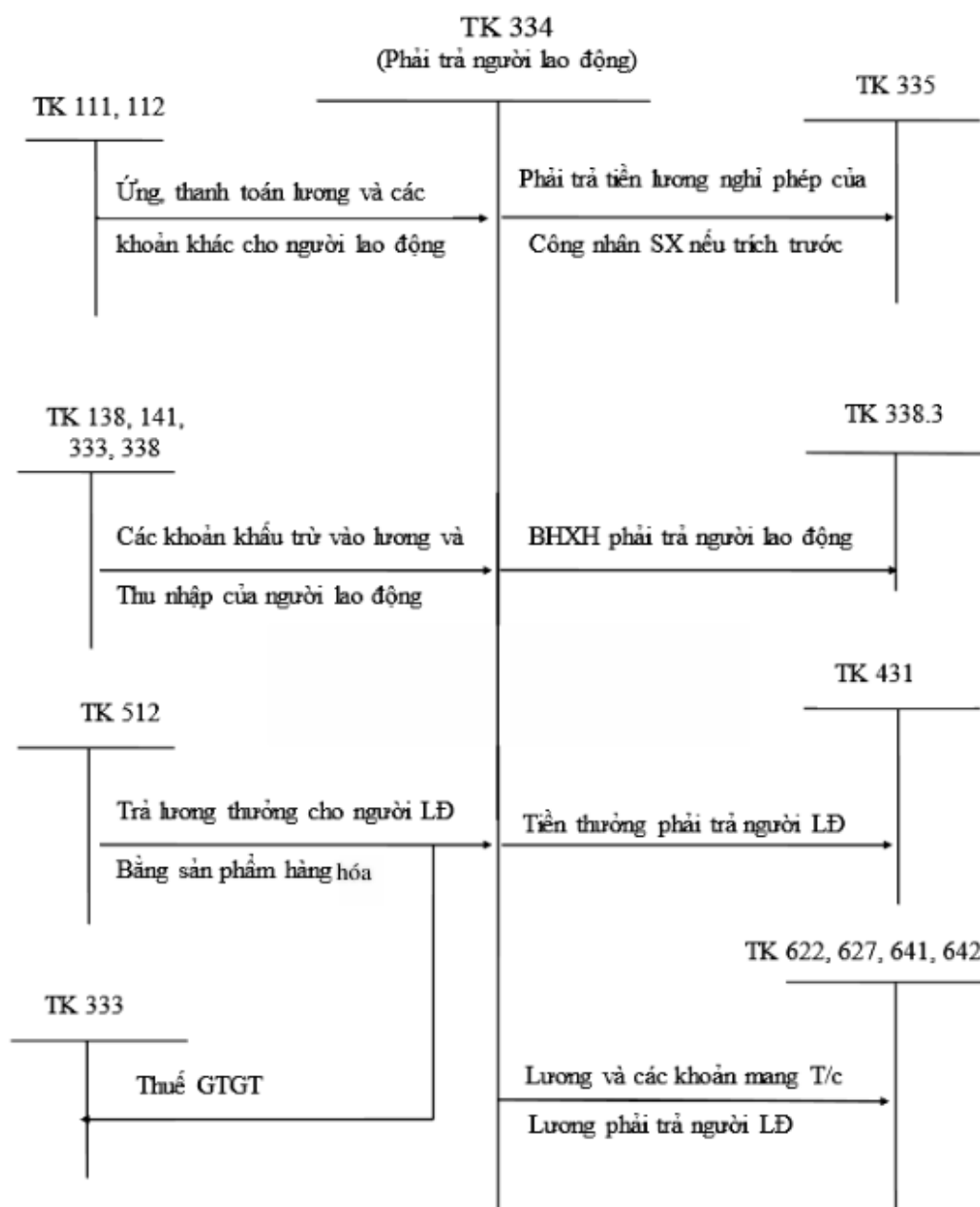
- Nếu số tiền đã trả lớn hơn so với số tiền phải trả về tiền lương, tiền công, tiền thưởng và các khoản khác cho người lao động.

Số dư bên Có:

- Các khoản tiền lương tiền công tiền thưởng có tính chất lương còn phải trả cho người lao động

1.2.2.3. Quy trình kế toán

Trình tự kế toán và các nghiệp vụ kế toán tiền lương được tóm tắt theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.1: Hạch toán tổng hợp các khoản phải trả người lao động

1.2.3. Kế toán các khoản trích theo lương

1.2.3.1. Chứng từ kế toán

Chứng từ kế toán sử dụng để hạch toán các khoản trích theo lương theo Thông tư 22/2014/ TT-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính bao gồm:

- *Bảng kê trích nộp các khoản theo lương (Mẫu số 10-LĐTL)*: Bảng kê trích lập các khoản tiền lương dùng để xác định số tiền BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ mà đơn vị và người lao động phải nộp trong tháng (hoặc quý) cho cơ quan bảo

hiểm xã hội và công đoàn. Chứng từ này là cơ sở để ghi sổ kế toán về các khoản trích nộp theo lương.

- *Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11-LĐTL)*: Bảng này dùng để tập hợp và phân bổ tiền lương thực tế phải trả gồm: lương chính, phụ cấp và các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ phải trích nộp trong tháng cho các đối tượng sử dụng lao động.

Ngoài ra kế toán còn sử dụng một số chứng thực khác liên quan như:

- Phiếu nghỉ hưởng BHXH.
- Bảng thanh toán BHXH.

1.2.3.2. Tài khoản kế toán

Tài khoản 338 (phải trả và phải nộp khác): Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình trích lập và sử dụng các quỹ BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ tại doanh nghiệp. Các tài khoản cấp 2 sử dụng trong hạch toán các khoản trích theo lương gồm có 4 loại tài khoản sau:

- TK 3382: Kinh phí công đoàn.
- TK 3383: Bảo hiểm xã hội.
- TK 3384: Bảo hiểm y tế.
- TK 3386: Bảo hiểm thất nghiệp.

❖ *Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 338:*

Bên Nợ:

- Kết chuyển giá trị tài sản thừa vào các tài khoản liên quan theo quyết định ghi trong biên bản xử lý.
- Các khoản đã nộp cho cơ quan quản lý quỹ cấp trên.
- Các khoản đã chi cho KPCĐ.
- Doanh thu chưa thực hiện tính cho từng kì kế toán: trả lại tiền nhận trước cho khách hàng khi tiếp tục việc cho thuê tài sản.
- Số phân bổ khoản chênh lệch giữa giá bán trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay (lãi trả chậm) vào doanh thu hoạt động tài chính.
- Hoàn tiền nhận ký cược, ký quỹ.

- Các khoản đã trả, đã nộp khác.
- Đánh giá các khoản phải trả, phải nộp khác là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Bên Có:

- Các khoản phải nộp, phải trả hoặc thu hộ.
- Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ vào chi phí sản xuất, kinh doanh hoặc khấu trừ vào lương của công nhân viên.
- Các khoản thanh toán với công nhân viên về tiền nhà, điện, nước ở tập thể.
- Số BHXH đã chi trả công nhân viên khi được BHXH thanh toán.
- Danh thu chưa được thực hiện phát sinh trong kỳ.
- Chênh lệch giữa giá bán trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả ngay.
- Các khoản thu hộ đơn vị khác phải trả lại.
- Số tiền nhận cầm cố, ký cược, ký quỹ phát sinh trong kỳ.
- Các khoản phải trả khác.
- Đánh giá lại khoản phải trả, phải nộp khác là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Số dư bên Nợ:

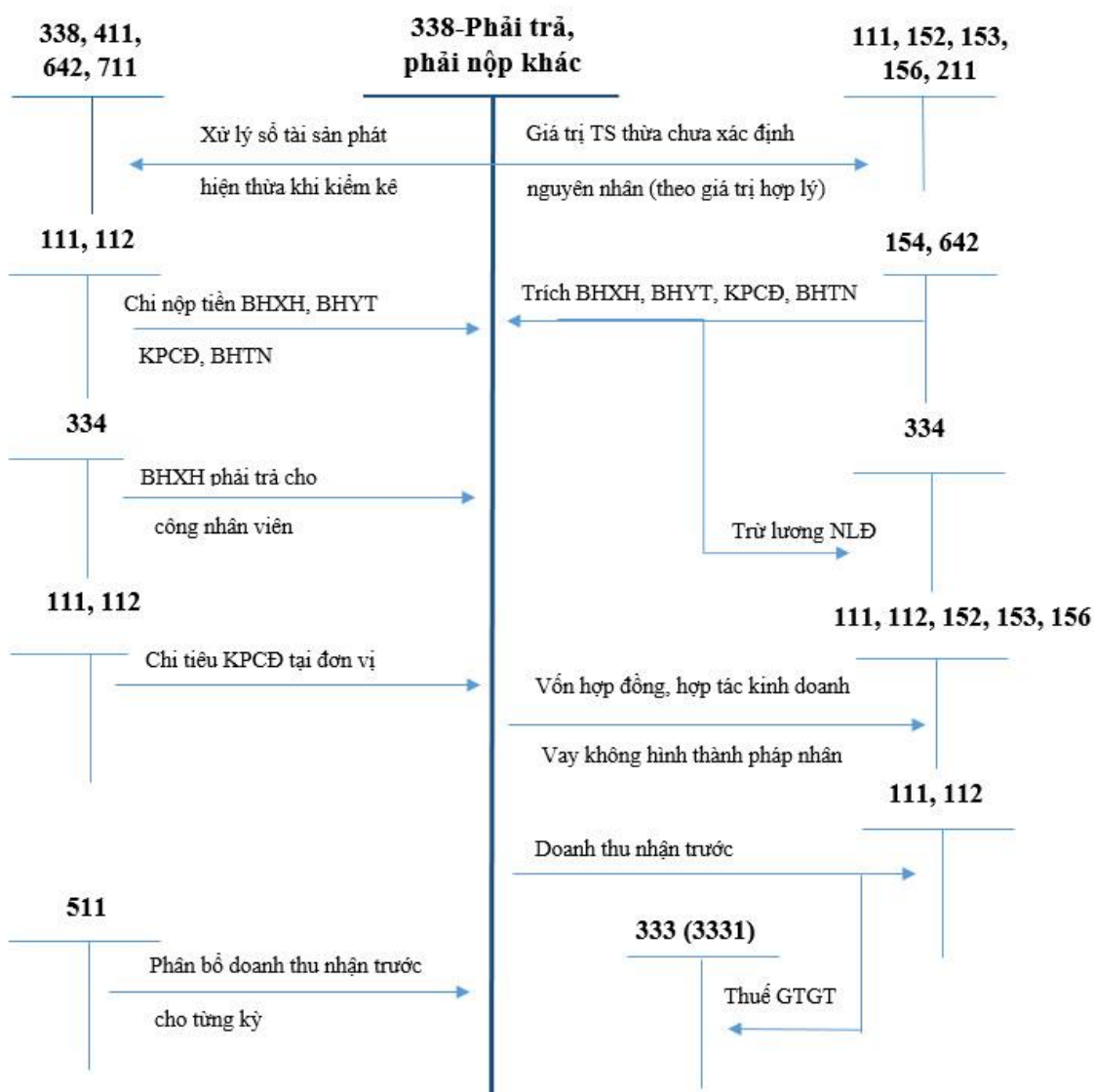
- Số đã trả, đã nộp nhiều hơn số phải trả, phải nộp hoặc sốabor hiểm xã hội đã chi trả công nhân viên chưa được thanh toán và kinh phí công đoàn vượt chi chưa được cấp bù.

Số dư bên Có:

- BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ đã trích chưa nộp cho cơ quan quản lý hoặc KPCĐ được để lại cho đơn vị chưa chi hết.
- Giá trị tài sản phát hiện thừa chờ giải quyết.
- Doanh thu chưa thực hiện ở thời điểm cuối kỳ kế toán.
- Các khoản còn phải trả, phải nộp khác.
- Số tiền nhận ký cược, ký quỹ chưa trả.

1.2.3.3. Quy trình kế toán

Trình tự kế toán và các nghiệp vụ kế toán các khoản trích theo lương được tóm tắt theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.2: Hạch toán tổng hợp các khoản trích theo lương

1.2.4. Hệ thống sổ sách sử dụng trong kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương

- Sổ chi tiết kế toán tiền lương: Sổ chi tiết tài khoản 334.
- Sổ chi tiết kế toán các khoản trích theo lương: Sổ chi tiết các tài khoản 3382, 3383, 3384, 3386.

Những sổ theo dõi tổng hợp dùng để theo dõi kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tùy thuộc vào hình thức kế toán và doanh nghiệp áp dụng. Các

doanh nghiệp khác nhau về loại hình, quy mô và điều kiện kế toán sẽ hình thành những hình thức tổ chức sổ kế toán khác nhau và trên thực tế doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong các hình thức sổ kế toán như sau:

1.2.4.1. Hình thức Nhật ký chung

- + Sổ Nhật ký chung.
- + Sổ cái TK 334,338.

1.2.4.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái

- + Sổ Nhật ký – Sổ cái.

1.2.4.3. Hình thức Nhật ký chứng từ

- + Nhật ký chứng từ.
- + Bảng kê (chi phí sản xuất theo phân xưởng).
- + Sổ cái TK 334,338.

1.2.4.4. Hình thức Chứng từ ghi sổ

- + Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Chứng từ ghi sổ.
- + Sổ cái 334,338.

1.2.4.5. Hình thức kế toán máy

- Đối với hình thức kế toán này công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương được tiến hành theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy tính. Phần mềm này được thiết kế theo nguyên tắc của 4 hình thức kế toán trên, vì vậy kế toán sẽ không phải tiến hành ghi sổ kế toán theo cách thủ công mà chỉ cần phân loại, lấy thông tin từ các chứng từ gốc nhập vào phần mềm kế toán, sau đó kiểm tra, phân tích số liệu trên các sổ tổng hợp, sổ chi tiết và báo cáo tài chính.

Chương 2**THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH
THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG
MẠI THÀNH TRUNG****2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
THÀNH TRUNG****2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Xây dựng
và Thương mại Thành Trung**

- ❖ Tên công ty: **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & TM THÀNH TRUNG**
- ❖ Tên giao dịch: THANH TRUNG CONSTRUCTION AND TRADE COMPANY LIMITED
- ❖ Địa chỉ trụ sở chính: Phố 9, phường Đông Thành, TP. Ninh Bình
- ❖ Điện thoại: 0303875944
- ❖ Mã số thuế: 2700274056
- ❖ Fax: 0303975944
- ❖ Đại diện doanh nghiệp trước pháp luật: Ông **Lê Anh Tú**
- ❖ Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH 2 thành viên trở lên
- ❖ Vốn điều lệ: 250.000.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi tỷ)
- ❖ Tên ngân hàng giao dịch: Ngân hàng NN&PTNT Tỉnh Ninh Bình.

Trải qua hơn 20 năm xây dựng và phát triển công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Trung đã khẳng định được vị thế của mình trên thị trường. Đến nay Công ty đã có một cơ ngơi khang trang, thiết bị sản xuất hiện đại, bộ máy quản lý công ty gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất, kế hoạch giá trị sản lượng. Đóng góp đáng kể cho sự phát triển của ngành xây dựng Việt Nam, tạo được công ăn việc làm cho nhiều lao động, đồng thời đóng góp đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

Với mục tiêu xây dựng và phát triển Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Trung, lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên công ty đã và đang cố gắng phát huy cao độ mọi nguồn lực để nâng cao vị thế của công ty

bằng việc xây dựng các kế hoạch kinh doanh, thực hiện báo cáo các sổ sách định kỳ hàng tháng, quý, năm và tình hình hoạt động kinh doanh của công ty, điều hành trực tiếp hoạt động sản xuất điều phối và quản lý nhân sự trong phạm vi công ty quản lý.

Với phương châm là từng bước xây dựng Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Trung thành nhà thầu chuyên nghiệp, vững mạnh về tổ chức và tiên tiến về khâu kỹ thuật, tạo lập và bảo vệ các giá trị đầu tư bền vững cho chủ sở hữu và đối tác dựa trên sự minh bạch về tài chính, chuyên nghiệp và tổ chức kỹ thuật và thi công.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Trung

2.1.2.1. Chức năng, nhiệm vụ và ngành nghề kinh doanh của Công ty

❖ Chức năng

Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Trung là đơn vị thi công xây lắp nên việc tổ chức sản xuất phải chịu ảnh hưởng trực tiếp, địa điểm của ngành xây dựng cơ bản. Sản phẩm của Công ty chủ yếu là các công trình giao thông đường bộ, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và san lấp mặt bằng, hoạt động xây lắp tiến hành ngoài trời chịu ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, ảnh hưởng đến việc quản lý tài sản, vật tư máy móc thiết bị dễ bị hư hỏng và chịu ảnh hưởng đến tiến độ thi công.

❖ Nhiệm vụ

Công ty đặt ra nhiệm vụ phải thi công đúng tiến độ, kỹ thuật, mỹ thuật, chất lượng công trình, sản phẩm theo đúng yêu cầu thiết kế, chống lãng phí. Trong những năm qua, Công ty luôn định hướng việc thi công các công trình theo những tiêu chuẩn đó để không ngừng nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty, mở rộng thị trường, tạo thế đứng vững chắc cho Công ty trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh của mình.

❖ Ngành nghề kinh doanh

Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Trung có trụ sở chính tại thành phố Ninh Bình. Đăng ký kinh doanh số 2700 344 786 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp. Công ty kinh doanh ngành nghề chủ yếu sau:

- + Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, công nghiệp, đường dây và trạm biến áp tới 35 KVA,
- + Xây dựng, lắp đặt các hệ thống cấp xử lý nước, sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp, thủy lợi,
- + Xây dựng các công trình công ích và san lấp mặt bằng.

2.1.2.2. Đặc điểm về sản xuất của Công ty

❖ Các giai đoạn của quy trình thi công xây dựng công trình:

➤ *Hồ sơ dự thầu*: khi nhận được thông tin mời thầu thì ban lãnh đạo Cty cùng các phòng ban phối hợp với nhau làm hồ sơ dự thầu bao gồm biện pháp thi công và dự toán thi công.

➤ *Biện pháp thi công*: mô tả công trình, quy mô và đặc điểm của công trình, đưa ra biện pháp thi công tổng hợp rồi sau đó đưa ra biện pháp thi công chi tiết.

➤ *Dự toán đấu thầu*:

- Lập bảng dự toán chi tiết gồm có khối lượng, đơn giá vật liệu, nhân công, máy móc thi công.

- Lập bảng vật tư và bù chênh lệch giá.

- Lập bảng tính cước vận chuyển.

- Từ bảng chi tiết trên lập bảng tổng hợp chi phí.

➤ *Tham gia đấu thầu*: Cử người đi tham gia đấu thầu

➤ *Ký kết hợp đồng kinh tế*: sau khi đã trúng thầu thì ký kết hợp đồng kinh tế bao gồm những điều khoản mà hai bên đã thỏa thuận.

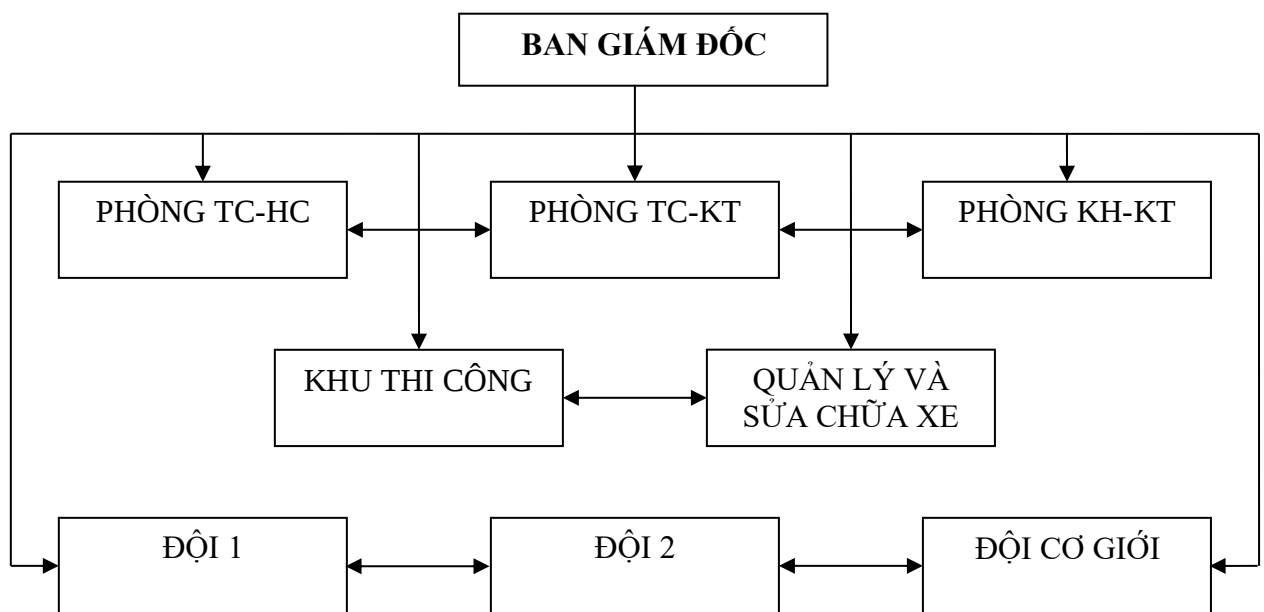
➤ *Tiến hành thi công*: sau khi ký kết hợp đồng kinh tế thì lập ban chỉ huy công trường và tiến hành thi công.

➤ *Nghiệm thu từng giai đoạn*: thi công xong giai đoạn nào thì tiến hành nghiệm thu giai đoạn đó.

➤ **Nghiệm thu công trình:** sau khi tất cả các giai đoạn hoàn thành xong, tiến hành nghiệm thu toàn bộ công trình để đưa vào sử dụng.

2.1.3. Đặc điểm và tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, đặc điểm tình hình thực tế và chiến lược của công ty để phát triển nghề xây dựng truyền thống và để thực hiện tốt mục tiêu và phù hợp với cơ chế thị trường có tính cạnh tranh ta như ngày nay. Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Trung xây dựng và áp dụng mô hình tổ chức quản lý theo mô hình trực tuyến. Công ty được thiết lập trực tuyến từ trên xuống dưới các mối quan hệ chức năng và quan hệ phối hợp giữa các phòng ban cho toàn hệ thống Công ty. Mô hình này giúp liên kết các phòng ban lại với nhau để tạo thành một thể thống nhất, có quan hệ chỉ đạo rõ ràng, có sự phân quyền hợp lí.



Ghi chú:

- Quan hệ chỉ đạo
- ↔ Quan hệ phối hợp

Sơ đồ 2.1. Bộ máy tổ chức và quản lý của công ty

❖ Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận trong bộ máy quản lý:

➤ **Ban giám đốc:** là người đại diện theo pháp luật, người điều hành mọi công việc trong Công ty, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Có quyền

quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến các hoạt động hằng ngày của Công ty, chuẩn bị và tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, ký kết hợp đồng.

➤ **Phòng tổ chức – hành chính:** Tham mưu cho giám đốc Công ty về việc tổ chức tuyển dụng lao động, phân công sắp xếp nhân sự bố trí đều cho lao động trực tiếp cách tổ chức sản xuất.

➤ **Phòng tài chính - kế toán:** Xây dựng kế hoạch tài chính, lập các dự toán trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm của công ty. Phản ánh đúng và chính xác các nghiệp vụ phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng pháp lệnh.

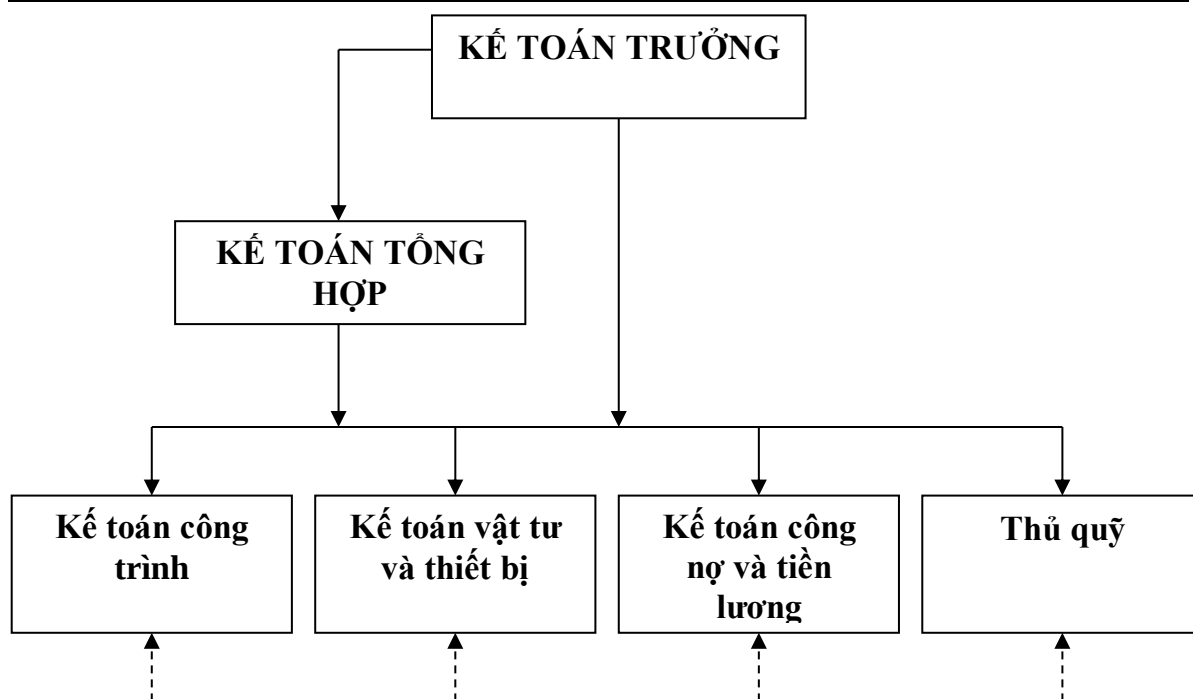
➤ **Phòng khoa học – kỹ thuật:** lập ra phương án thi công công trình, giám sát quá trình thi công, nghiệm thu từng giai đoạn và công trình để đảm bảo công trình đạt hiệu quả tiến độ và chất lượng tốt.

➤ **Khu thi công:** mỗi khu thi công trình có mỗi ban chỉ huy công trình để chỉ đạo thực hiện công trình.

➤ **Quản lý và sửa chữa xe:** chịu trách nhiệm quản lý mua bán, thanh lý các loại xe phục vụ thi công công trình.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty

Tổ chức bộ máy kế toán là một trong những nội dung quan trọng hàng đầu trong tổ chức công tác của doanh nghiệp. Căn cứ vào khối lượng công việc và các nghiệp vụ phát sinh thì hiện tại Công ty đang áp dụng tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Tất cả các công việc đều được thực hiện dưới sự chỉ đạo của kế toán trưởng và Công ty hạch toán theo hình thức hạch toán độc lập.



Ghi chú:

————> Quan hệ chỉ đạo

←-----> Quan hệ phối hợp

Sơ đồ 2.2. Bộ máy kế toán của công ty

❖ Chức năng và nhiệm vụ từng bộ phận kế toán

➤ **Kế toán trưởng:** là người có quyền điều hành toàn bộ công tác kế toán tài chính, có chức năng tổ chức công tác kế toán, tổ chức hình thức hạch toán, kiểm tra các chứng từ thu chi, thanh toán, làm công tác tổng hợp quyết toán, lập báo cáo quyết toán cuối năm.

➤ **Kế toán tổng hợp:** là người có trách nhiệm hướng dẫn tổng hợp, phân loại chứng từ, định khoản các nghiệp vụ phát sinh, lập sổ sách kế toán cho từng bộ phận của kế toán viên. Làm công tác trực tiếp tổng hợp quyết toán lập báo cáo.

➤ **Kế toán công trình:** có nhiệm vụ quản lý việc thu chi tại mỗi công trình, hướng dẫn công việc cho thủ kho và cùng thủ kho kiểm tra, quản lý, giám sát tình hình nhập - xuất - tồn vật tư, công cụ tại mỗi công trình.

➤ **Kế toán vật tư và thiết bị:** thường xuyên tìm nguồn vật tư cũng như thiết bị phục vụ cho công trình ổn định, cập nhật giá cả kịp thời, tìm mối quan hệ hợp tác với khách hàng nhằm cung cấp đầy đủ vật tư cho công trình.

➤ **Kế toán công nợ và tiền lương:** theo dõi các khoản công nợ, các khoản thu chi tiền mặt tạm ứng, hoàn ứng cho các bộ phận trong Công ty.

➤ **Thủ quỹ:** là người có trách nhiệm theo dõi tiền mặt cũng như tiền gửi ngân hàng của Công ty, lập báo cáo về quỹ tiền mặt, tiền gửi và tiền vay tại ngân hàng.

2.1.5. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty

2.1.5.1. Chế độ, chính sách kế toán áp dụng:

- Chế độ kế toán: Công ty thực hiện chế độ kế toán Công ty ban hành theo Thông tư 200/2014 /TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính và các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán của Bộ tài chính.

- Hình thức ghi sổ kế toán: Sử dụng hình thức Nhật ký chung.

- Niên độ kế toán: Công ty thực hiện niên độ kế toán tính theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/03 hàng năm.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VNĐ).

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, kế toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp thẻ song song, hàng hóa xuất được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh.

- Phương pháp tính giá hàng xuất kho: Công ty áp dụng đơn giá đích danh để tính giá vốn thực tế hàng hóa vật tư xuất kho.

- Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định: Trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

- Phương pháp tính thuế GTGT: Công ty kê khai và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Các loại sổ kế toán chủ yếu: Sổ nhật ký chung, sổ Cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết, ...

2.1.5.2. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán

Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Trung áp dụng hệ thống chứng từ theo thông tư 200/2014/TT_BTC sau đây là một số chứng từ của công ty:

- *Các chứng từ về lao động, tiền lương:*
 - + Bảng chấm công (Mẫu số 01a – LĐTL),
 - + Bảng chấm công làm thêm giờ (Mẫu số 01b – LĐTL),
 - + Bảng thanh toán tiền lương (Mẫu số 02 – LĐTL),
 - + Bảng kê trích nộp các khoản theo lương (Mẫu số 10 – TĐTL),
 - + Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 – LĐTL).
- *Các chứng từ về tiền tệ:*
 - + Phiếu thu (Mẫu số 01 – TT),
 - + Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT),
 - + Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03 – TT),
 - + Giấy thanh toán tiền tạm ứng (Mẫu số 04 – TT),
 - + Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số 05 – TT),
 - + Bảng kiểm kê quỹ (Mẫu số 08a – TT và Mẫu số 08b – TT),
 - + Bảng kê chi tiền (Mẫu số 09 – TT),
 - + Giấy báo nợ, báo có, UNC,...
- *Các chứng từ về TSCĐ:*
 - + Hợp đồng kinh tế,
 - + Biên bản giao nhận TSCĐ (Mẫu số 01 – TSCĐ),
 - + Biên bản thanh lý TSCĐ (Mẫu số 02 – TSCĐ),
 - + Biên bản kiểm kê TSCĐ (Mẫu số 05 – TSCĐ),
 - + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ).
- *Các chứng từ về chỉ tiêu hàng tồn kho:*
 - + Hóa đơn mua vật tư, dụng cụ,
 - + Phiếu nhập kho (Mẫu số 01 - VT),
 - + Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 – VT),
 - + Biên bản kiểm nghiệm (Mẫu số 03 – VT),

- + Biên bản kiểm kê vật tư (Mẫu số 05 – VT),
- + Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 – VT).
- *Các chứng từ về bán hàng:*
 - + Hóa đơn bán hàng,
 - + Hóa đơn cước vận chuyển,
 - + Hóa đơn dịch vụ...

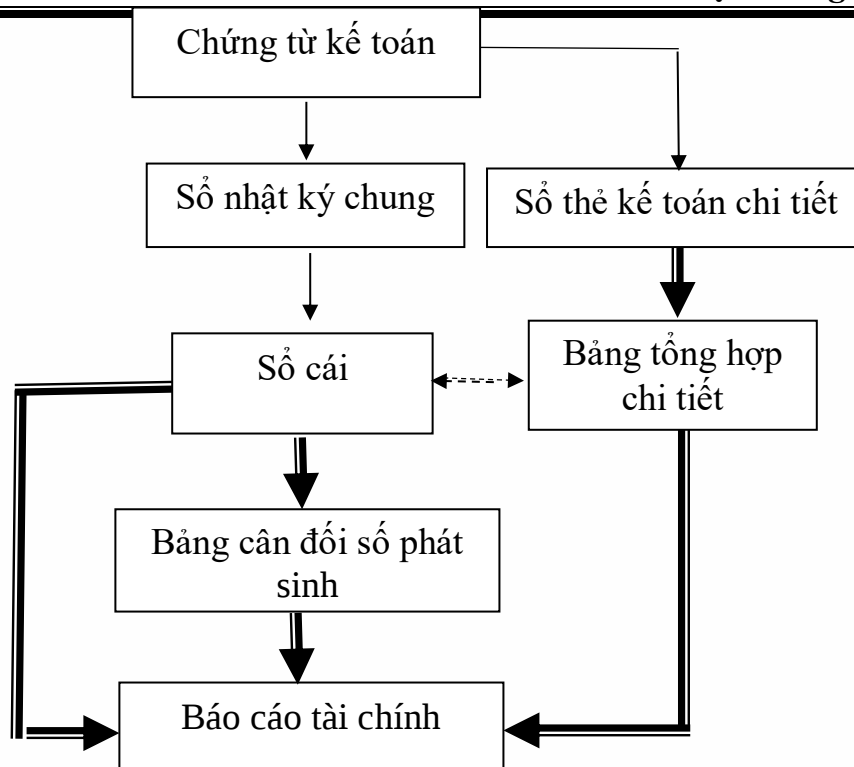
Công ty quy định về lập và luân chuyển chứng từ: Khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ở bộ phận nào thì bộ phận đó sẽ có trách nhiệm ghi nhận, xử lý và lập chứng từ gốc. Sau đó, các chứng từ sẽ được chuyển về phòng kế toán để bộ phận kế toán kiểm tra tính chính xác và hợp lý của chứng từ trước khi sử dụng để vào sổ sách kế toán có liên quan. Kế toán viên sẽ có trách nhiệm thu thập, xử lý, và lập các chứng từ. Kế toán trưởng sẽ duyệt và ký chứng từ trước khi chuyển cho giám đốc duyệt và ký lần cuối cùng. Khi đã được các bộ phận có thẩm quyền và có liên quan ký xác nhận, chứng từ sẽ được phân loại và lưu tại phòng kế toán.

2.1.5.3. Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán

Hệ thống Tài khoản kế toán cấp 1 được áp dụng thống nhất theo Thông tư 200/2014/TT - BTC.

2.1.5.4. Tổ chức sổ sách kế toán

Công ty đang áp dụng ghi sổ theo hình thức: “Nhật ký chung”



Ghi chú:

Ghi hàng ngày	→
Ghi cuối tháng hoặc định kỳ	⇒
Quan hệ đối chiếu, kiểm tra	↔

Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Hàng ngày: căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm: cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

2.1.5.5. Tổ chức báo cáo kế toán

- Báo cáo năm:
 - Bảng cân đối kế toán,
 - Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh,

Mẫu số B01 - DNN

Mẫu số B02 - DNN

- Bản Thuyết minh báo cáo tài chính,

Mẫu số B09 - DNN

- Báo cáo về lưu chuyển tiền tệ.

Mẫu số B03 - DNN

- Báo cáo tháng:

- Tờ khai thuế giá trị gia tăng

- Báo cáo quản trị: Mỗi quý lập báo cáo tài chính nội bộ nộp Ban Giám đốc. cuối năm cùng với báo cáo tài chính, kế toán lập bản phân tích tình hình tài chính trong năm và đưa ra kế hoạch cho năm tiếp theo.

Ngoài các báo cáo bắt buộc ra công ty còn lập thêm các báo cáo hướng dẫn theo yêu cầu của Giám đốc như báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hàng tháng và một số báo cáo khác khi có yêu cầu cần thiết.

2.1.6. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty

Biểu 2.1. Tình hình tài chính kinh doanh của công ty trong 3 năm 2021-2022-2023

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022 so với 2021		Năm 2023 so với 2022	
					Chênh lệch	Tỉ lệ (%)	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
1	Tổng tài sản	864.390.368.026	884.321.457.923	901.223.756.901	19.931.089.897	2.3%	16.902.298.978	1.91%
2	Doanh thu	441.497.246.497	501.298.480.285	511.983.677.231	59.801.233.788	13.54%	10.685.196.946	2.13%
3	Lợi nhuận sau thuế	98.377.970	104.125.040	111.013.562	5.747.070	5.84%	6.888.552	6.61%
4	Vốn chủ sở hữu	250.540.572.704	250.644.697.744	250.756.572.477	104.125.040	0.41%	111.874.733	0.44%
5	Nộp ngân sách	61.620.216	63.818.592	66.178.236	2.198.376	3.6%	2.359.644	3.7%
6	Tổng số lao động	382	540	550	158	41.36%	10	1.85%
7	Thu nhập bình quân/tháng	6.000.000	6.000.000	6.200.000	0	0%	200.000	3.3%

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán của Công ty)

❖ Phân tích về tình hình tài chính kinh doanh của công ty trong 3 năm:

Qua bảng số liệu trên có thể đánh giá khái quát tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty đều tăng trong 3 năm qua. Cụ thể, tổng tài sản là 864.390.368.026 đồng năm 2021 tăng lên 884.321.457.923 đồng trong năm 2022, tương ứng tăng 2.3%. Năm 2023 thì tổng tài sản tăng lên 16.902.298.978 đồng tương ứng với tăng 1.91%.

Doanh thu năm 2022 so với năm 2021, doanh thu tăng 59.801.233.788 đồng tương ứng với 13.54%. Năm 2023 so với năm 2022 doanh thu tăng 10.685.196.94 đồng tương đương 2.13%

Lợi nhuận sau thuế của công ty năm 2022 tăng so với năm 2021, lợi nhuận sau thuế tăng 5.747.070 đồng tương đương 5.84%. Năm 2023 tăng so với năm 2022 cụ thể là 6.888.552 đồng tương ứng 6.61%. Qua đây những thành tựu mà công ty đạt được năm 2023 so với khi thành lập là rất đáng được khích lệ. Được vậy lag nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của ban lãnh đạo cũng như sự cố gắng không ngừng của toàn thể nhân viên trong công ty, để đặt nền móng cho sự phát triển hơn nữa trong những năm tiếp theo.

Vốn chủ sở hữu của công ty năm 2022 tăng so với năm 2021 là 104.125.040 đồng tương ứng 0.41%. Năm 2023 tăng thêm so với năm 2022 cụ thể là 111.874.773 đồng tương đương 0.44%. Ta thấy trong 3 năm gần đây vốn chủ sở hữu của công ty tăng nhẹ không đáng kể, hi vọng trong những năm tiếp theo vốn chủ sở hữu sẽ tăng mạnh giúp cho công ty hoạt động tốt hơn.

Tổng số lao động năm 2022 tăng mạnh so với năm 2021 là 158 lao động tương ứng 41.36%. Năm 2023 cũng tăng nhưng không đáng kể so với năm 2022 là 10 tương ứng 1.85%.

Thu nhập bình quân năm 2022 so với năm 2021 không tăng lương, 2 năm bằng nhau mức lương không đổi. Năm 2023 tăng so với năm 2022 cụ thể là 200.000 đồng tương đương 3.3%. Điều này chứng tỏ rằng công ty đã và đang hoạt động hiệu quả, nâng cao thu nhập cho công nhân viên.

2.2. ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI THÀNH TRUNG

2.2.1. Đặc điểm về lao động, công tác quản lý lao động tại Công ty

Công ty TNHH xây dựng & TM Thành Trung là Công ty xây dựng nên có quy mô sản xuất tương đối lớn, sử dụng nhiều lao động. Lao động của Công ty đa phần là lao động có trình độ chuyên môn phần lớn họ được đào tạo trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp và công nhân kỹ thuật có tay nghề nên có khả năng làm việc tốt và hiệu quả cao, phát huy tốt khả năng của mình cũng như việc vận dụng tốt kiến thức đã học vào thực tế. Dù số lượng lao động đông nhưng Công ty bố trí phù hợp cho từng bộ phận nên kết cấu hợp lý, không bị xáo trộn mà vẫn tăng được quân số, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động. Hàng năm Công ty cũng tổ chức đào tạo, nâng cao nghiệp vụ bằng nhiều hình thức như cử đi học ở các trường đại học, trường công nhân kỹ thuật..., cũng như việc đào tạo tại chỗ thường xuyên nhằm nâng cao trình độ, phấn đấu, phát huy, tạo điều kiện phát triển Công ty. Kết quả của việc phân công lao động hợp lý trong toàn Công ty đã giảm được lượng lao động mà vẫn tăng năng suất lao động. Bên cạnh đó chúng ta cũng thấy được việc phân loại lao động như trên cho phép Công ty quản lý tốt sự biến động của lực lượng lao động đồng thời làm cơ sở cho việc tính toán, thanh toán lương gọn nhẹ, chính xác và hợp lý.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý, huy động cho việc sử dụng sức lao động một cách có hiệu quả, hợp lý, khoa học Công ty cần phải phân loại lao động. Cách phân loại lao động trong Công ty là phân loại lao động theo quan hệ với quá trình sản xuất kinh doanh, với cách phân loại này thì Công ty phân ra làm 2 nhóm đó là nhóm lao động gián tiếp và nhóm lao động trực tiếp.

Phân loại lao động là việc sắp xếp lao động vào các nhóm khác nhau theo những đặc trưng nhất định, lao động của công ty được phân loại theo các tiêu thức sau:

Biểu 2.2 - Bảng phân loại cơ cấu lao động

TT	Phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Theo bộ phận sản xuất	550	100%
	Đội xây lắp các công trình điện nước	40	7,27
	Đội xây lắp các công trình dân dụng	60	10,91
	Đội xây lắp các công trình giao thông thủy lợi	120	21,82
	Đội xe - thiết bị - vật tư	165	30
	Văn phòng công ty và một số bộ phận khác	165	30
2	Theo giới tính	550	100%
	Nam	490	89,09
	Nữ	60	10,91
3	Trình độ văn hóa	550	100%
	Trung cấp và công nhân kỹ thuật có tay nghề	263	47,81
	Cao đẳng	70	12,72
	Lao động phổ thông	142	25,82
	Đại học và sau đại học	75	13,64
4	Theo độ tuổi	550	100%
	Trên 35 tuổi	175	31,82
	Dưới 35 tuổi	375	68,18
5	Theo phân công lao động	550	100%
	Ban giám đốc	3	0,55
	Lao động quản lý	28	5,09
	Lao động trực tiếp	439	79,82
	Lao động gián tiếp	80	14,54

Xét theo bảng phân loại ta có thể thấy phần lớn lao động của Công ty là lao động trẻ, có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao. Lao động của Công ty đa phần là lao động trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh, họ là những người thuộc các đội xây lắp và đội xe, vật tư, thiết bị chiếm 79,82%. Ngoài ra Công ty còn có bộ phận văn phòng và một số bộ phận khác, đây là bộ phận gián tiếp tham gia vào sản xuất kinh doanh chiếm tỷ lệ 14,54%. Nhìn về độ tuổi lao động có thể thấy số nhân viên dưới 35 tuổi là 375 người, chiếm 68,18%. Điều này tạo thuận lợi cho công ty vì những người trẻ năng động sáng tạo, dễ tiếp thu, luôn theo được những nhu cầu của thời đại. Mặt khác số nhân viên trên 35 tuổi trong công ty cũng chiếm 1 tỷ lệ tương đối 31,82%. Đây cũng là một trong những thuận lợi với công ty vì những người này thường có kinh nghiệm làm việc, xử lý, khắc phục những sự cố xảy ra.

Ngoài ra do tính chất công việc và đặc thù của ngành xây dựng là thi công nên nhân viên nam chiếm tỷ lệ lớn hơn (89,09%), còn nhân viên nữ đa số làm các công việc như văn phòng, thư ký, một số khác cũng tham gia công việc thi công trực tiếp nhưng chiếm tỷ lệ nhỏ nên số lượng nhân viên nữ ít hơn, chiếm 10,91%.

Nhìn chung Công ty đã sắp xếp lao động một cách hợp lý, khoa học nên không xảy ra tình trạng như: Lao động dư thừa, lao động làm việc không đúng trình độ chuyên môn của mình. Do đó năng suất lao động của công ty không ngừng nâng cao và đáp ứng được nhu cầu của khách hàng cũng như hoàn thành mục tiêu mà công ty đặt ra.

2.2.2. Các hình thức trả lương tại công ty

2.2.2.1. Nguyên tắc tính trả lương

- Mức lương được hình thành trên cơ sở thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động trên hợp đồng lao động và các quyết định.
- Người lao động được hưởng lương theo năng suất lao động, chất lượng lao động và kết quả lao động.
- Tiền lương phải đảm bảo tái sản xuất sức lao động.

- Trả đủ, đúng lương và phụ cấp cho cán bộ, công nhân viên trong Công ty theo chế độ hiện hành, quyết định phù hợp với tính chất công việc của mỗi người.

- Cơ chế trả lương phải khuyến khích người lao động phát huy được năng lực của mình đối với công việc được giao. Điều này có nghĩa là kết quả lương gắn liền với năng suất lao động chất lượng và kết quả công việc.

- Cơ chế trả lương phải đúng theo quy định Nhà nước, mức lương cho cán bộ, công nhân viên không thấp hơn so với mức lương tối thiểu do nhà nước quy định.

Hàng tháng, căn cứ vào bảng chấm công của các tổ đội chuyển lên kết hợp với phần chấm công trên máy tính, kế toán tổng hợp số liệu trên bảng chấm công. Từ đó kế toán lập bảng lương và thanh toán cho công nhân viên vào ngày 10 hàng tháng sau khi trừ đi các khoản khấu trừ vào lương.

2.2.2.2. Các hình thức trả lương áp dụng tại Công ty

Để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của mình, Công ty TNHH xây dựng & TM Thành Trung đã áp dụng hai hình thức trả lương sau:

+ Hình thức trả lương theo thời gian: Áp dụng đối với bộ phận gián tiếp sản xuất ra sản phẩm gồm bộ phận văn phòng như phòng kế toán,...

+ Hình thức trả lương theo sản phẩm (Hình thức khoán sản phẩm): Áp dụng đối với bộ phận trực tiếp sản xuất ra sản phẩm gồm các đội thi công, đội xe, thiết bị, vật tư.

Việc lựa chọn hai hình thức này nhằm mục đích:

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, nâng cao kỹ thuật lao động, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về an toàn lao động.

- Bảo đảm dân chủ công khai, phân phối kết quả hợp lý giữa các bộ phận lao động, khuyến khích cán bộ công nhân viên, hăng hái hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao, đồng thời đảm bảo chế độ chính sách cho người lao động theo quy định hiện hành.

❖ **Hình thức trả lương theo thời gian**

Cách tính như sau:

$$\text{Lương thực tế} = \frac{\text{Lương CB}}{\text{Ngày công chuẩn của tháng (26 ngày)}} \times \text{Số ngày làm việc thực tế}$$

$$\text{Tổng lương} = \text{Lương thực tế} + \text{Phụ Cấp} + \text{Thưởng}$$

$$\text{Thực lĩnh} = \text{Tổng lương} - \text{Các khoản giảm trừ} - \text{Tạm ứng (nếu có)}$$

Theo cách tính này lương tháng thường là một con số cố định, chỉ giảm xuống khi người lao động nghỉ không hưởng lương.

Hình thức trả lương này người lao động không băn khoăn về mức thu nhập của mình trong mỗi tháng bởi số tiền trừ cho mỗi ngày công không lương là cố định, nghỉ bao nhiêu ngày thì họ bị trừ bấy nhiêu tiền trong trường hợp không có biến động về lương và ngược lại tháng nào đi làm đủ ngày theo quy định thì được hưởng đủ mức tiền lương.

• **Hình thức trả lương theo sản phẩm**

Công thức tính:

$$\text{Tiền lương sản phẩm} = \text{Công việc hoàn thành} \times \text{Đơn giá tiền lương sản phẩm}$$

$$\begin{array}{l} \text{Tiền lương trực chờ} \\ \text{việc (trực mưa, trực} \\ \text{sửa chữa)} \end{array} = \text{Số ngày công trực} \times \text{Đơn giá tiền lương trực chờ việc}$$

$$\text{Tổng lương} = \text{Tiền lương khoán} + \text{Tiền lương trực chờ việc} + \text{Phụ cấp, thưởng}$$

Thực lĩnh	=	Tổng lương	-	Các khoản giảm trừ	-	Tạm ứng (nếu có)
------------------	----------	-------------------	----------	---------------------------	----------	-----------------------------

Ngoài mức lương được tính theo sản phẩm làm việc thực tế của mình thì Công ty còn quy định mức lương trách nhiệm dành riêng cho các tổ trưởng. Đây được gọi là mức phụ cấp trách nhiệm đối với tổ trưởng, vì họ là người chịu trách nhiệm trước mọi công việc của cả tổ. Mức trách nhiệm cho tổ trưởng theo quy định của công ty đồng nhất là 1.000.000 đồng/người, tổ phó là 500.000 đồng/người.

❖ **Các khoản phụ cấp, thưởng, chế độ nghỉ lễ được áp dụng tại Công ty**

- Phụ cấp xăng xe: 300.000 đồng/tháng.
- Phụ cấp điện thoại: 500.000 đồng/tháng.
- Phụ cấp đào tạo: 500.000 đồng/tháng.
- Phụ cấp khu vực: 500.000 đồng/tháng.
- Phụ cấp chuyên cần: 500.000 đồng/tháng.
- Đối với những tháng có ngày lễ được quy định:
 - + Thưởng tết dương lịch: 500.000đ/ người
 - + Thưởng tết âm lịch: 1 tháng lương tháng lương cơ bản
 - + Thưởng các ngày nghỉ lễ trong năm: 300.000đ/ người
 - + Nếu đi làm vào ngày lễ thì nhân đôi lương.
 - + Nếu ngày lễ rơi vào ngày chủ nhật thì sẽ được nghỉ bù trước hoặc sau

nhưng vẫn được tính lương bình thường.

• **Thu nhập các nhân:**

Thu nhập cá nhân	=	Thu nhập tính thuế TNCN	x	Thuế suất
-------------------------	----------	--------------------------------	----------	------------------

Thu nhập tính thuế TNCN	=	Thu nhập chịu thuế TNCN	-	Giảm trừ bản thân	-	Giảm trừ người phụ thuộc	-	BHYT, BHXH, BHTN	-	Các khoản đóng góp, từ thiện, nhân đạo
--------------------------------	----------	--------------------------------	----------	--------------------------	----------	---------------------------------	----------	-------------------------	----------	---

- Các khoản giảm trừ để tính thuế TNCN: Căn cứ vào Nghị quyết số

954/2020/UBTVQH14 ban hành ngày 02/06/2020 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội có hiệu lực từ ngày 01/07/2020 quy định:

- Mức giảm trừ bản thân đối với người nộp thuế là 11.000.000đ/tháng.
- Mức giảm trừ đối với người phụ thuộc là 4.400.000đ/tháng.
- Các khoản bảo hiểm bắt buộc: BHXH, BHYT, BHTN.

Biểu 2.3. Thuế suất Thuế TNCN

Bậc	Thu nhập tính thuế/tháng	Thuế suất	Tính số thuế phải nộp	
			Cách 1	Cách 2
1	Đến 5 triệu đồng (trđ)	5%	0 trđ + 5% TNTT	5% TNTT
2	Trên 5 trđ đến 10 trđ	10%	0,25 trđ + 10% TNTT trên 5 trđ	10% TNTT – 0,25 trđ
3	Trên 10 trđ đến 18 trđ	15%	0,75 trđ + 15% TNTT trên 10 trđ	15% TNTT – 0,75 trđ
4	Trên 18 trđ đến 32 trđ	20%	1,95 trđ + 20% TNTT trên 18 trđ	20% TNTT – 1,65 trđ
5	Trên 32 trđ đến 52 trđ	25%	4,75 trđ + 25% TNTT trên 32 trđ	25% TNTT – 3,25 trđ
6	Trên 52 trđ đến 80 trđ	30%	9,75 trđ + 30% TNTT trên 52 trđ	30% TNTT – 5,85 trđ
7	Trên 80 trđ	35%	18,15 trđ + 35% TNTT trên 80 trđ	35% TNTT – 9,85 trđ

2.2.3. Chế độ trích lập, nộp và sử dụng các khoản trích theo lương tại Công ty

Công ty trích tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN trên quỹ tiền lương, tiền công tháng của cán bộ công nhân viên tham gia BHXH, BHYT, BHTN, đồng thời cũng trích từ tiền lương, tiền công tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN của từng lao động theo mức quy định, chuyển cùng một lúc vào tài khoản chuyên thu của cơ quan BHXH.

Công ty có trách nhiệm tự kê khai, tự trích đóng BHXH, BHYT, BHTN theo quy định hiện hành.

Biểu 2.4. Tỷ lệ trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ được áp dụng tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Trung

Các khoản bảo hiểm trích theo lương	Trích vào chi phí của doanh nghiệp	Trích vào lương của người lao động	Tổng
Bảo hiểm xã hội	17,5%	8%	25,5%
Bảo hiểm y tế	3%	1,5%	4,5%
Bảo hiểm thất nghiệp	1%	1%	2%
Kinh phí công đoàn	2%		2%
Tổng	23,5%	10,5%	34%

❖ Quỹ bảo hiểm xã hội

Theo chế độ hiện hành, hàng tháng Công ty nộp đủ 25,5% tiền BHXH cho ban BHXH Tỉnh Ninh Bình. Sau đó những người nghỉ ốm sẽ được hưởng 75% mức lương, nghỉ do thai sản sẽ được hưởng 100% mức lương, trợ cấp tai nạn, kế toán BHXH dựa vào số ngày nghỉ ốm đã được xác nhận của bệnh viện hoặc y tế cơ sở, dựa vào bảng chấm công nghỉ ốm của các tổ chức gửi lên, dựa vào tỷ lệ % theo quy định của Nhà Nước, và dựa vào tiền lương cấp bậc của từng Cán bộ công nhân viên.

❖ Quỹ Bảo Hiểm Y Tế

Quỹ BHYT được sử dụng để thanh toán các khoản tiền khám, chữa bệnh, viện phí, thuốc thang cho người lao động trong thời gian ốm đau, thai sản.

Quỹ BHYT được hình thành từ việc trích lập theo tỷ lệ quy định trên tiền lương phải trả công nhân viên trong tháng. Theo chế độ hiện hành, doanh nghiệp trích quỹ BHYT theo tỷ lệ 4,5% trên tổng số tiền lương thực tế phải trả công nhân viên trong tháng, trong đó 3% tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của các đối tượng sử dụng lao động, 1,5% trừ vào lương của người lao động.

❖ Kinh phí công đoàn

KPCĐ là nguồn kinh phí cho hoạt động công đoàn được trích lập theo tỷ lệ quy định trên tổng số quỹ tiền lương, tiền công và phụ cấp phải trả cho người lao động vào chi phí kinh doanh để hình thành lên KPCĐ. Tỷ lệ trích theo quy định 2% do doanh nghiệp trích lập để sử dụng.

❖ Bảo hiểm thất nghiệp

Là quỹ dùng để trợ cấp cho người lao động tham gia đóng BHTN được 12 tháng trở lên. Hàng tháng doanh nghiệp đóng cho người lao động và trích từ tiền lương tháng của NLD để đóng vào Quỹ BHTN với tỷ lệ đóng là 2% tiền lương, tiền công của người lao động.

Trong đó: + Người lao động chịu 1%

+ Doanh nghiệp chịu 1%

2.3. KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI THÀNH TRUNG**2.3.1. Kế toán tiền lương****2.2.1.1. Chứng từ kế toán**

- Bảng chấm công,
- Bảng thanh toán tiền lương,
- Bảng kê tạm ứng lương,
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội,
- Phiếu chi,...

- Hợp đồng giao khoán ,
- Phiếu xác nhận sản phẩm hoặc công việc hoàn thành,
- Biên bản thanh lý hoặc nghiệm thu hợp đồng giao khoán,
- Bảng thanh toán tiền lương,
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH.

2.2.1.2. Tài khoản kế toán

Hiện tại công ty áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

TK 334: “ Phải trả người lao động ”: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản phải trả cho người lao động của doanh nghiệp về tiền lương, tiền công, tiền thưởng, BHXH và các khoản phải trả khác thuộc về thu nhập của người lao động.

2.2.1.3. Quy trình ghi sổ kế toán

❖ Quy trình kế toán ghi sổ chi tiết

• Hình thức trả lương theo thời gian:

Cuối tháng căn cứ vào số ngày công đi làm thực tế của nhân viên để tính được số công thực tế làm việc. Từ đó, có bảng chấm công như sau:

Biểu 2.5. Bảng chấm công nhân viên phòng kế toán tháng 01/2024

Đơn vị: Cty TNHH XD & TM Thành Trung

Bộ phận: Phòng Tài chính - Kế toán

Mẫu số 01a-LĐTL

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CHẤM CÔNG

Tháng 01 năm 2024

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày trong tháng																															Quy ra công		
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	Số công hưởng lương	Số công nghỉ việc, ngừng việc hưởng 100% lương	Số công nghỉ việc, ngừng việc hưởng 75 % lương
			T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	Thời gian		
1	Đinh Thị Thoa	TPKT	0	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	26	1	0
2	Nguyễn Thành Phương	NVKT	0	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	26	1	0
3	Nguyễn Thanh Thảo	NVKT	0	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	Ô		Ô	Ô	Ô	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	22	1	4
4	Dương Thị Hiền	NVKT	0	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	26	1	0
5	Đinh Văn Trường	NVKT	0	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	26	1	0
6	Trịnh Thanh Tâm	NVKT	0	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	26	1	0
7	Lưu Thanh Hào	NVKT	0	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	26	1	0
8	Hoàng Thị Hải	NVKT	0	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	26	1	0
9	Phan Văn Tùng	NVKT	0	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	26	1	0
CỘNG			0	9	9	9	9	9		9	9	9	9	9	8		8	8	8	9	9	9		9	9	9	9	9	9		9	9	9	230	9	4

Người chấm công

(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận

(Ký, họ tên)

Người duyệt

(Ký, họ tên)

Ký hiệu chấm công

Lương thời gian: x

Ôm, điều dưỡng: Ô

Nghỉ: 0

Nghỉ cuối tuần:

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán của Công ty)

Biểu 2.6. Giấy đề nghị tạm ứng lương phòng tài chính kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH XD & TM Thành Trung

Mẫu số 03 – TT

Địa chỉ: Phòng tài chính kế toán

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Ngày 05 tháng 01 năm 2024

Số:05

Kính gửi: Giám đốc Công ty TNHH xây dựng & TM Thành Trung

Tên tôi là: Dương Thị Hiền

Bộ phận: Phòng Tài chính kế toán.

Đề nghị tạm ứng số tiền: 11.700.000^d (viết bằng chữ: *Mười một triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn*)

Lý do tạm ứng: Tạm ứng lương cho nhân viên phòng tài chính tháng 01/2024.

(Có bảng kê kèm theo)

Ngày 05 tháng 01 năm 2024

Giám đốc

Kế toán trưởng

Phụ trách bộ phận

Người đề nghị tạm ứng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán của Công ty)

Căn cứ vào giấy đề nghị tạm ứng, kế toán lập bảng tạm ứng lương.

Biểu 2.7. Bảng kê tạm ứng lương bộ phận tài chính - kế toán

DANH SÁCH TẠM ỨNG LƯƠNG		
Tháng 1 năm 2024		
Bộ phận: Phòng Tài chính - Kế toán		
Đơn vị tính: VNĐ		
STT	Họ và tên	Số tiền
1	Đinh Thị Thoa	1.500.000
2	Nguyễn Thành Phương	1.500.000
3	Nguyễn Thanh Thảo	1.500.000
4	Dương Thị Hiền	1.500.000
5	Đinh Văn Trường	1.500.000
6	Trịnh Thanh Tâm	1.200.000
7	Lưu Thanh Hào	1.000.000
8	Hoàng Thị Hải	1.000.000
9	Phan Văn Tùng	1.000.000
	Tổng cộng	11.700.000
Số tiền bằng chữ: Mười một triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn ./.		
Ngày 05 tháng 01 năm 2024		
Người lập biểu		
Dương Thị Hiền		

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán của Công ty)

Ngày 05/01 căn cứ vào giấy đề nghị tạm ứng và bảng kê tạm ứng lương tháng 01/2024 của Dương Thị Hiền bộ phận tài chính kế toán, kế toán lập phiếu chi tạm ứng lương.

Biểu 2.8. Phiếu chi tạm ứng lương

Đơn vị: Công ty TNHH XD & TM

Mẫu số 02 – TT

Thành Trung

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC)

Địa chỉ: Phòng tài chính kế toán

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI

Quyển số: 05

Ngày 05 tháng 01 năm 2024

Số: 10

Nợ: 334

Có: 111

Họ tên người nhận tiền: Dương Thị Hiền

Bộ phận: Phòng tài chính kế toán

Lý do: Chi lương tạm ứng lương tháng 01/2024

Số tiền: **11.700.000^d** (Viết bằng chữ: Mười một triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn).

Kèm theo: 02 chứng từ gốc.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024

Giám đốc

Kế toán

Thủ quỹ

Người

Người nhận

trưởng

lập phiếu

tiền

(Ký, họ tên,
đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười một triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn./.

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán của Công ty)

Cuối mỗi tháng, kế toán tiền lương căn cứ vào bảng chấm công của các phòng ban, bộ phận gửi lên và các chứng từ liên quan để tính lương cho công nhân viên Công ty.

Biểu 2.9. Bảng thanh toán tiền lương tháng 01/2024 của phòng Tài chính - Kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Trung
Bộ phận: Phòng Tài chính - Kế toán

Mẫu số: 02 - LBTL
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG
Tháng 01 năm 2024

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương cơ bản	Lương thời gian		Trợ cấp	Phụ cấp				Thưởng tết Dương lịch	Thu nhập chịu thuế TNCN	Tạm ứng	Các khoản phải khấu trừ vào lương				Giảm trừ bản thân	Giảm trừ người phụ thuộc	Thu nhập tính thuế TNCN	Thuế TNCN	Thực lĩnh
				Số công	Số tiền		Trách nhiệm	Đào tạo	Xăng xe	Điện thoại				BHXH	BHYT	BHTN	Cộng					
1	Đinh Thị Thoa	TPKT	12,000,000	26	12,000,000	0	1,000,000	500,000	300,000	500,000	500,000	14,800,000	1,500,000	356,096	66,768	44,512	467,376	11,000,000	0	3,332,624	166,631	12,665,993
2	Nguyễn Văn Phương	NVKT	10,000,000	26	10,000,000	0	0	500,000	300,000	500,000	500,000	11,800,000	1,500,000	356,096	66,768	44,512	467,376	11,000,000	0	332,624	16,631	9,815,993
3	Nguyễn Thanh Thảo	NVKT	10,000,000	22	8,461,538	556,400	0	500,000	300,000	500,000	500,000	10,261,538	1,500,000	356,096	66,768	44,512	467,376	11,000,000	0	0	0	8,850,562
4	Dương Thị Hiền	NVKT	10,000,000	26	10,000,000	0	0	500,000	300,000	500,000	500,000	11,800,000	1,500,000	356,096	66,768	44,512	467,376	11,000,000	0	332,624	16,631	9,815,993
5	Đinh Văn Trường	NVKT	10,000,000	26	10,000,000	0	0	500,000	300,000	500,000	500,000	11,800,000	1,500,000	356,096	66,768	44,512	467,376	11,000,000	4,400,000	0	0	9,832,624
6	Trịnh Thanh Tâm	NVKT	10,000,000	26	10,000,000	0	0	500,000	300,000	500,000	500,000	11,800,000	1,200,000	356,096	66,768	44,512	467,376	11,000,000	0	332,624	16,631	10,115,993
7	Lưu Thanh Hào	NVKT	10,000,000	26	10,000,000	0	0	500,000	300,000	500,000	500,000	11,800,000	1,000,000	356,096	66,768	44,512	467,376	11,000,000	0	332,624	16,631	10,315,993
8	Hoàng Thị Hải	NVKT	10,000,000	26	10,000,000	0	0	500,000	300,000	500,000	500,000	11,800,000	1,000,000	356,096	66,768	44,512	467,376	11,000,000	4,400,000	0	0	10,332,624
9	Phan Văn Tùng	NVKT	8,000,000	26	8,000,000	0	0	500,000	300,000	500,000	500,000	9,800,000	1,000,000	356,096	66,768	44,512	467,376	11,000,000	0	0	0	8,332,624
Tổng			90,000,000	230	88,461,538	556,400	1,000,000	4,500,000	2,700,000	4,500,000	4,500,000	105,661,538	11,700,000	3,204,864	600,912	400,608	4,206,384	99,000,000	8,800,000	4,663,120	233,156	90,078,398

Tổng số tiền viết bằng chữ: Chín mươi triệu không trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm chín mươi tám đồng./.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán của Công ty)

Trích dẫn: Tính lương tháng 01 của chị Đinh Thị Thoa – Trưởng phòng kế toán. Trong đó, lương của phòng kế toán được tính theo lương thời gian với mức lương mà chị Thoa được thỏa thuận trên hợp đồng là: 12.000.000 đồng/tháng/26 công.

=> Vậy tiền lương hợp đồng của chị Thoa trong tháng 01/2024 là:

$$12.000.000/26 \times 26 = 12.000.000 \text{ đồng.}$$

Các khoản phụ cấp, thưởng mà chị Thoa được cộng thêm là:

- Thưởng tết dương lịch: 500.000 đồng.
- Phụ cấp trách nhiệm, chức vụ: 1.000.000 đồng.
- Đào tạo: 500.000 đồng.
- Phụ cấp xăng xe: 300.000 đồng/tháng.
- Phụ cấp điện thoại: 500.000 đồng/tháng.

=> Thu nhập chịu thuế TNCN:

$$= 12.000.000 + 500.000 + 1.000.000 + 500.000 + 300.000 + 500.000$$

$$= 14.800.000 \text{ đồng.}$$

Lương đóng BHXH của toàn Công ty được tính trên mức lương tối thiểu vùng (vùng II) là: 4.160.000 đồng.

Căn cứ theo Hợp đồng lao động, chị Đinh Thị Thoa có qua đào tạo nên mức lương tính bảo hiểm được cộng thêm 7% mức lương tối thiểu vùng:

$$4.160.000 + (4.160.000 \times 7\%) = 4.451.200 \text{ đồng:}$$

$$+ \text{BHXH: } 4.451.200 \times 8\% = 356.096 \text{ đồng.}$$

$$+ \text{BHYT: } 4.451.200 \times 1,5\% = 66.768 \text{ đồng.}$$

$$+ \text{BHTN: } 4.451.200 \times 1\% = 44.512 \text{ đồng.}$$

$$=> \text{Tổng các khoản giảm trừ: } 356.096 + 66.768 + 44.512 = 467.376 \text{ đồng.}$$

$$- \text{Giảm trừ bản thân: } 11.000.000 \text{ đồng.}$$

- Chị Thoa không có người phụ thuộc.

$$=> \text{Tổng các khoản giảm trừ : } = 467.376 + 11.000.000$$

$$= 11.467.376 \text{ đồng.}$$

$$=> \text{Thu nhập tính thuế: } 14.800.000 - 11.467.376 = 3.332.624 \text{ đồng}$$

Như vậy thu nhập tính thuế của chị Thoa thuộc bậc 1 của Biểu tính thuế, nên thu nhập cá nhân của chị Thoa là: $5\% \times 3.332.624 = 166.631$ đồng.

- Tạm ứng 1.500.000 đồng.

=> Vậy lương thực lĩnh trong tháng 01/2024 của chị Đinh Thị Thoa là:

$$14.800.000 - 1.500.000 - 467.376 - 166.631 = 12.665.993 \text{ đồng.}$$

- **Tính lương theo sản phẩm:**

Trích dẫn: Giao khoán các công đoạn của công trình cho đội thi công số 2 bằng hợp đồng giao khoán.

Biểu 2.10. Hợp đồng giao khoán

Đơn vị: Cty TNHH XD & TM

Thành Trung

Bộ phận: Phòng sản xuất

Mẫu số: 06 – LĐTL

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

HỢP ĐỒNG GIAO KHOÁN

Số: 02/2024/HĐGK-TT

- Căn cứ vào bộ luật dân sự được quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 14/06/2003 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2006.

- Căn cứ vào hợp đồng số 526/HĐXL-BHTKT ngày 29 tháng 6 năm 2012 về việc thi công công trình: *Đầu nối đường Na Sầm – Na Hình (ĐT 230)* với đường tuần tra biên giới giữ BQL đầu tư xây dựng HTKT tỉnh Lạng Sơn và Công ty TNHH xây dựng và thương mại Thành Trung.

- Căn cứ vào nhu cầu khả năng của hai bên.

Hôm nay ngày 02 tháng 01 năm 2024, tại Công ty TNHH xây dựng và thương mại Thành Trung.

BÊN A (BÊN GIAO KHOÁN): CÔNG TY TNHH XD&TM THÀNH TRUNG

Địa chỉ: Phố 9 Phường Đông Thành – Thành Phố Ninh Bình – Tỉnh Ninh Bình

Đại diện: Ông **Lê Anh Tú**

BÊN B (BÊN NHẬN KHOÁN): ĐỘI THI CÔNG SỐ 2

Địa chỉ: Công trường Na Sầm Lạng Sơn.

Đại diện: Ông **Đình Văn Tài**

Chức vụ: **Đội trưởng**

CÙNG KÝ KẾT HỢP ĐỒNG GIAO KHOẢN NHƯ SAU:

Điều 1: Nội dung, hình thức và giá trị hợp đồng.

1. Nội dung công việc

Hai bên cùng nhau bàn bạc thống nhất, nhất trí thỏa thuận ký hợp đồng giao khoán trên cơ sở tự nguyện bình đẳng theo các điều khoản sau:

Bên A đồng ý giao, bên B đồng ý nhận thi công hạng mục công trình Đào đất kè chắn lý trình Km10+493,69-Km10+589.69M. Đầu nối đường Na Sầm – Na Hình Lạng Sơn (ĐT 230) với đường tuần tra biên giới Tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 1 theo hồ sơ thiết kế và những sửa đổi được phê duyệt mà bên A cấp cho bên B để thực hiện

2. Hình thức và giá trị giao khoán

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên sản phẩm (công việc)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Đào đất kè chắn C1	m ³	110	300.000	33.000.000
2	Đào đất kè chắn C2	m ³	640	535.000	342.400.000
3	Đào đất kè chắn C3	m ³	200	550.000	110.000.000
	Cộng		950		485.500.000

Giá trị giao khoán tạm tính 485.400.000đồng.

(Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./.)

Điều 2: Thời gian và tiến độ thực hiện công việc.

Thời gian thi công là 30 ngày (kể cả thứ 7 và chủ nhật)

Sau khi ký hợp đồng giao khoán bên B triển khai tập kết phương tiện máy móc và nhân lực đầy đủ tại công trường và tiến hành đào xúc vận chuyển theo hợp đồng này.

Điều 3. Hình thức và thời hạn thanh toán.

1. Hình thức thanh toán: Bằng tiền mặt/ bằng chuyển khoản

2. Thời hạn thanh toán.

Khi công việc hoàn thành hai bên tiến hành nghiệm, đối chiếu, chốt khối lượng Bên A căn cứ giá trị hoàn thành thanh toán cho bên B hết số tiền còn lại trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên B nhận được đầy đủ hồ sơ nghiệm thu.

Điều 4. Trách nhiệm của mỗi bên.

1. Trách nhiệm của bên A

- Phải đảm bảo khối lượng giao khoán cho bên B thi công từ 950(m³) trở lên.
- Nhanh chóng bàn giao đầy đủ mốc giới mặt bằng và vị trí đổ thải cho bên B thi công thuận lợi 24/24
- Có trách nhiệm cử cán bộ kỹ thuật hướng dẫn và giám sát thường xuyên trong quá trình bên B thi công.
- Thanh toán cho bên B đúng hạn theo điều 3 của hợp đồng này.
- Trong quá trình bên B tập kết phương tiện, máy móc thi công mà vì lý do nào đó khiến bên B phải chờ việc thì bên A phải trừ lùi ngày tiến độ hoàn thành tương ứng cho bên B.

2. Trách nhiệm của bên B

- Bố trí phương tiện, máy móc, nhân lực đầy đủ để thi công đạt tiến độ.
- Tuân thủ theo sự chỉ đạo, hướng dẫn giám sát của cán bộ kỹ thuật bên A.
- Đào xúc, vận chuyển đất đổ thải theo qui định.

- Trường hợp trong quá trình thi công máy móc của bên B gặp phải tầng lấp đá cứng (được chủ đầu tư chấp thuận) khôn đào xúc được thì bên A có trách nhiệm nổ mìn hoặc điều máy có dung tích lớn xuống để đào phá cho bên B.

Điều 5: Điều khoản chung

- Hai bên cam kết hết sức hỗ trợ lẫn nhau để hoàn thành hợp đồng. Nếu xảy ra tranh chấp thì bên bên cùng nhau thương lượng giải quyết khắc phục trên cơ sở tự nguyện bình đẳng. Khi cần sẽ lập phụ lục hợp đồng hoặc biên bản bổ sung hợp đồng.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Sau khi hoàn thành công việc hai bên thống nhất và nhất trí ký biên bản thanh lý hợp đồng.

Hợp đồng này được thành lập 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

Ngày 02 tháng 01 năm 2024

Đại diện bên nhận khoán

Đại diện bên giao khoán

Biểu 2.11. Phiếu xác nhận sản phẩm hoặc công việc hoàn thành GD 1

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng & TM Thành Trung	Mẫu số: 04 – LĐTTL
Bộ phận: Đội thi công số 2	(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**PHIẾU XÁC NHẬN SẢN PHẨM HOẶC
CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH GIAI ĐOẠN 1**
Ngày 15 tháng 01 năm 2024

Tên đơn vị (hoặc cá nhân): Đội thi công số 2
Theo Hợp đồng số: 02/2024HĐGK-TT ngày 02 tháng 01 năm 2024.

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên sản phẩm (công việc)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Đào đất kè chắn C1	m ³	510	147	74.970.000
2	Đào đất kè chắn C2	m ³	430	209	89.830.000
	Cộng		20		164.800.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng chẵn./.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024

Người giao việc (Ký, họ tên)	Người nhận việc (Ký, họ tên)	Người kiểm tra chất lượng (Ký, họ tên)	Người duyệt (Ký, họ tên)
--	--	--	------------------------------------

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán của Công ty)

Biểu 2.12. Phiếu chi tạm ứng tiền công giao khoán giai đoạn 1

Đơn vị: Công ty TNHH XD & TM Thành Trung Địa chỉ: Phòng tài chính kế toán		Mẫu số 02 – TT (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)	
PHIẾU CHI		Quyển số: 03	
Ngày 15 tháng 01 năm 2024		Số: 14 Nợ: 334 Có: 111	
Họ tên người nhận tiền: Đinh Văn Tài Bộ phận: Đội thi công số 2			
Lý do: Chi tạm ứng tiền công giao khoán theo hợp đồng số 02/2024/HĐGK - TT giai đoạn 1 từ ngày 02/01/2024 đến ngày 15/01/2024.			
Số tiền: 140.000.000 ^d (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi triệu đồng chẵn.)			
Kèm theo: Phiếu xác nhận sản phẩm hoặc công việc hoàn thành làm chứng từ gốc.			
Ngày 15 tháng 01 năm 2024			
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)
Người nhận tiền (Ký, họ tên)			
Đã nhận đủ số tiền: (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng chẵn).			

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán của Công ty)

**Biểu 2.13. Phiếu xác nhận sản phẩm hoặc công việc hoàn thành
giai đoạn còn lại**

Đơn vị: Công ty TNHH Xây Dựng & TM Thành Trung	Mẫu số: 04 – LĐTTL
Bộ phận: Đội thi công số 2	(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**PHIẾU XÁC NHẬN SẢN PHẨM HOẶC
CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH GIAI ĐOẠN 2**
Ngày 31 tháng 01 năm 2024

Tên đơn vị (hoặc cá nhân): Đội thi công số 2
Theo Hợp đồng số: 02/2024HĐGK-TT ngày 02 tháng 01 năm 2024.

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên sản phẩm (công việc)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Đào đất kè chắn C2	m ³	440	535	235.400.000
2	Đào đất kè chắn C3	m ³	200	550	110.000.000
	Cộng		600		345.400.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn./.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024

Người giao việc (Ký, họ tên)	Người nhận việc (Ký, họ tên)	Người kiểm tra chất lượng (Ký, họ tên)	Người duyệt (Ký, họ tên)
--	--	--	------------------------------------

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

- Sau khi hoàn thành công trình hai bên tiến hành nghiệm thu thanh lý hợp đồng.

Biểu 2.14. Biên bản thanh lý (nghiem thu) hợp đồng giao khoán

Đơn vị: Cty TNHH Xây Dựng & TM Thành Trung

Mẫu số: 10 - LĐTL

Bộ phận: Đội thi công số 2

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BIÊN BẢN THANH LÝ (NGHIỆM THU) HỢP ĐỒNG GIAO KHOÁN

Số: 02/2024/HĐGK-TT

Hôm nay ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại Công ty TNHH xây dựng và thương mại Thành Trung.

BÊN A (BÊN GIAO KHOÁN): CÔNG TY TNHH XD&TM THÀNH TRUNG

Địa chỉ: Phố 9 Phường Đông Thành – Thành Phố Ninh Bình – Tỉnh Ninh Bình

Đại diện: Ông **Lê Anh Tú**

Chức Vụ: Giám đốc

BÊN B (BÊN NHẬN KHOÁN): ĐỘI THI CÔNG SỐ 2

Địa chỉ: Công trường Na Sầm Na Hình - Lạng Sơn

Đại diện: Ông **Đình Văn Tài**

Chức vụ: Đội trưởng

Cùng thanh lý Hợp đồng số 02/2024/HĐGK-TT ngày 02 tháng 01 năm 2024.

Nội dung công việc (ghi trong hợp đồng) đã được thực hiện: Hoàn thành đúng như hợp đồng.

Giá trị hợp đồng đã thực hiện: 485.500.000^d

Bên giao khoán đã thanh toán cho bên nhận khoán số tiền là 140.000.000 đồng
(viết bằng chữ: Một trăm bốn mươi triệu chẵn./.)

Số tiền bên giao khoán còn phải thanh toán cho bên nhận khoán là: 345.400.00đ
(Viết bằng chữ: Ba trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn./.)

Kết luận: Hai bên đã thực hiện song bản hợp đồng đã ký và không còn ràng buộc gì với nhau về mặt pháp lý. Hợp đồng đã được thanh lý.

Đại diện bên nhận khoán

(Ký, họ tên)

Đại diện bên giao khoán

(Ký, họ tên, đóng dấu)

- Sau khi đã hoàn thành xong công trình theo đúng hợp đồng và hoàn tất các thủ tục còn lại bên giao khoán thanh toán nốt số tiền còn lại cho bên nhận khoán

Biểu 2.15. Phiếu chi tiền theo HĐ số 02/2024/HĐGK-TT số tiền còn lại

Đơn vị: Công ty TNHH XD & TM Thành Trung Địa chỉ: Phòng tài chính kế toán	Mẫu số 02 – TT (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)
PHIẾU CHI	
Ngày 02 tháng 02 năm 2024	Quyển số: 15 Số: 40 Nợ: 334 Có: 111
Họ tên người nhận tiền: Đinh Văn Tài Bộ phận: Đội thi công số 2	
Lý do: Chi tạm ứng tiền công giao khoán theo hợp đồng số 02/2024/HĐGK - TT giai đoạn 1 từ ngày 02/01/2024 đến ngày 15/01/2024.	
Số tiền: 345.400.000^d (Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn.)	
Kèm theo: Phiếu xác nhận sản phẩm hoặc công việc hoàn thành làm chứng từ gốc.	
Ngày 02 tháng 02 năm 2024	
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)
Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)
Người nhận tiền (Ký, họ tên)	
Đã nhận đủ số tiền: (Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn.) .	

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán của Công ty)

Sau khi kết thúc công trình, đội trưởng lập bảng chấm công cho cả đội để làm căn cứ tính lương cho từng người.

Biểu 2.16. Bảng chấm phòng sản xuất

Đơn vị: Cty TNHH XD & TM Thành Trung
Bộ phận: Phòng Sản xuất

Mẫu số 01a-LĐTL
(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CHẤM CÔNG

Tháng 01 năm 2024

STT	Họ và tên	Ngạch bậc lương hoặc cấp bậc chức vụ	Ngày trong tháng																																Quy ra công		
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	Số công hưởng lương SP	Số công nghỉ việc, ngừng việc hưởng 100% lương	Số công nghỉ việc, ngừng việc hưởng 75% lương	
			T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4				
1	Đinh Văn Tài	ĐT	0	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	26	1	0	
2	Mai Văn Nguyễn	ĐP	0	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	Ô		Ô	Ô	Ô	x	x	x		x	x	x	22	1	4
3	Lê Văn Tú	CN	0	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	26	1	0	
4	Mai Văn Thỏa	CN	0	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	26	1	0	
5	Dương Văn Nhân	CN	0	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	26	1	0	
6	Đinh Văn Lâm	CN	0	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	26	1	0	
7	Đinh Văn Tuyển	CN	0	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	26	1	0	
8	Lê Văn Thắng	CN	0	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	26	1	0	
9	Tô Xuân Diệu	CN	0	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	26	1	0	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
68	Nguyễn Đình Chắt	CN	0	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	26	1	0	
69	Vũ Hoàng Nam	CN	0	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	26	1	0	
70	Đinh Quang Điền	CN	0	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	26	1	0	
CỘNG			0	70	70	70	70	70		70	70	70	70	70	70		70	70	70	70	70	69		69	69	69	70	70	70		70	70	70	308	12	4	

Người chấm công

(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2024

Người duyệt

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ký hiệu chấm công

- Lương SP: x

- Ôm, điều dưỡng: Ô

- Nghỉ 0

- Nghỉ cuối tuần

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán của Công ty)

Trích dẫn: Bảng thanh toán tiền lương bộ phận sản xuất tháng 01/2024.

Biểu 2.17. Bảng thanh toán tiền lương cho bộ phận sản xuất

Đơn vị: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Trung

Bộ phận: Phòng sản xuất

Mẫu số: 02 - LĐTL

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG

Tháng 01 năm 2024

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương sản phẩm		Lương trực chờ việc		Số tiền	Phụ cấp				Thưởng tết Đương lịch	Thu nhập chịu thuế TNCN	Tạm ứng	Các khoản phải khấu trừ vào lương				Thực lĩnh
			Số công	Đơn giá	Số công	Đơn giá		Trách nhiệm	Chuyên cần	Xăng xe	Khu vực				BHXH	BHYT	BHTN	Cộng	
1	Đinh Văn Tài	ĐT	26	320,000	0	100,000	0	1,000,000	500,000	300,000	500,000	500,000	11,120,000	2,000,000	356,096	66,768	44,512	467,376	8,652,624
2	Mai Văn Nguyên	ĐP	22	320,000	0	100,000	556,400	500,000	0	300,000	500,000	500,000	8,840,000	2,000,000	356,096	66,768	44,512	467,376	6,929,024
3	Lê Văn Tú	NV	26	320,000	0	100,000	0	0	500,000	300,000	500,000	500,000	10,120,000	2,000,000	356,096	66,768	44,512	467,376	7,652,624
4	Mai Văn Thòa	NV	26	320,000	0	100,000	0	0	500,000	300,000	500,000	500,000	10,120,000	2,000,000	356,096	66,768	44,512	467,376	7,652,624
5	Dương Văn Nhân	NV	26	320,000	0	100,000	0	0	500,000	300,000	500,000	500,000	10,120,000	2,000,000	356,096	66,768	44,512	467,376	7,652,624
6	Đinh Văn Lâm	NV	26	320,000	1	100,000	0	0	500,000	300,000	500,000	500,000	10,220,000	2,000,000	356,096	66,768	44,512	467,376	7,752,624
7	Đinh Văn Tuấn	NV	26	320,000	0	100,000	0	0	500,000	300,000	500,000	500,000	10,120,000	2,000,000	356,096	66,768	44,512	467,376	7,652,624
8	Lê Văn Thắng	NV	26	320,000	1	100,000	0	0	500,000	300,000	500,000	500,000	10,220,000	2,000,000	356,096	66,768	44,512	467,376	7,752,624
9	Tô Xuân Diệu	NV	26	320,000	0	100,000	0	0	500,000	300,000	500,000	500,000	10,120,000	2,000,000	356,096	66,768	44,512	467,376	7,652,624
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
68	Nguyễn Đình Chất	NV	26	320,000	1	100,000	0	0	500,000	300,000	500,000	500,000	10,220,000	2,000,000	356,096	66,768	44,512	467,376	7,752,624
69	Vũ Hoàng Nam	NV	26	320,000	0	100,000	0	0	500,000	300,000	500,000	500,000	10,120,000	2,000,000	356,096	66,768	44,512	467,376	7,652,624
70	Đinh Quang Điền	NV	26	320,000	1	100,000	0	0	500,000	300,000	500,000	500,000	10,220,000	2,000,000	356,096	66,768	44,512	467,376	7,752,624
Cộng			1,816	320,000	4	100,000	556,400	1,500,000	34,500,000	21,000,000	35,000,000	35,000,000	708,120,000	140,000,000	24,926,720	4,673,760	3,115,840	32,716,320	536,360,080

Tổng số tiền viết bằng chữ: Năm trăm ba mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi nghìn không trăm tám mươi đồng./.

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2024

Trích dẫn: Tính lương tháng 1/2024 của anh Đinh Văn Tài – Đội trưởng đội máy thi công số 2.

+ Lương khoán của 1 công = 320.000đ/ 8 giờ/ ngày.

+ Lương trực chờ việc của 1 công: 100.000đ/8 giờ/ngày.

Vậy lương tháng 01/2024 của anh Đinh Văn Tài được tính như sau:

- Lương khoán được hưởng = Lương khoán 1 công x số công
$$= 320.000 \times 26 = 8.320.000 \text{ đồng.}$$

- Lương trực chờ việc = Lương trực 1 công x số công.

- Các khoản phụ cấp:

+ Trách nhiệm: 1.000.000 đồng.

+ Chuyên cần: 500.000 đồng.

+ Xăng xe: 300.000 đồng.

+ Khu vực: 500.000 đồng .

+ Thưởng tết dương lịch: 500.000 đồng.

⇒ Thu nhập chịu thuế TNCN của anh Tài là:

$$8.320.000 + 1.000.000 + 500.000 + 300.000 + 500.000 + 500.000 \\ = 11.620.000 \text{ đồng.}$$

Lương đóng BHXH của toàn Công ty được tính trên mức lương tối thiểu vùng (vùng II) là: 4.160.000 đồng.

Căn cứ theo Hợp đồng lao động, chị Đinh Văn Tài có qua đào tạo nên mức lương tính bảo hiểm được cộng thêm 7% mức lương tối thiểu vùng:

$$4.160.000 + (4.160.000 \times 7\%) = 4.451.200 \text{ đồng.}$$

+ BHXH: $4.451.200 \times 8\% = 356.096$ đồng.

+ BHYT: $4.451.200 \times 1,5\% = 66.768$ đồng.

+ BHTN: $4.451.200 \times 1\% = 44.512$ đồng.

=> Tổng các khoản giảm trừ: $356.096 + 66.768 + 44.512 = 467.376$ đồng.

- Tạm ứng: 2.000.000 đồng.

=> Vậy lương thực lĩnh trong tháng 01/2024 của anh Đinh Văn Tài là:

$$11.620.000 - 2.000.000 - 467.376 = 8.652.624 \text{ đồng.}$$

Căn cứ vào bảng thanh toán lương của các bộ phận trong tháng, kế toán tiền lương lập bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương tháng 01 để phân bổ chi phí tiền lương cho các bộ phận trong kỳ và trích các khoản khấu trừ vào lương của người lao động theo quy định.

Trích dẫn: Bảng thanh toán tiền lương toàn Công ty tháng 01/2024.

Biểu 2.18: Bảng tổng hợp thanh toán tiền lương toàn Công ty tháng 01/2024

Đơn vị: Cty TNHH XD & TM Thành Trung

Địa chỉ: Phố 9, Phường Đồng Thành - TP.Ninh Bình

Mẫu số: 02 - LĐTL

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG TOÀN CÔNG TY

Tháng 01/2024

STT	Bộ phận	Tiền lương cơ bản	Lương thực tế	Tổng phụ cấp	Trợ cấp	Thu nhập chịu thuế TNCN	Giảm trừ bản thân	Giảm trừ người phụ thuộc	Tạm ứng	Các khoản phải nộp				Thu nhập tính thuế TNCN	Thuế TNCN	Tổng nhận
										BHXH (8%)	BHYT (1.5%)	BHTN (1%)	Tổng cộng			
I	Các phòng ban	330,000,000	308,461,538	57,600,000	556,400	366,061,538	297,000,000	8,800,000	29,700,000	9,614,592	1,802,736	1,201,824	12,619,152	58,650,352	12,148,401	312,150,386
1	Ban giám đốc	70,000,000	70,000,000	8,400,000	0	78,400,000	33,000,000	0	3,000,000	1,068,288	200,304	133,536	1,402,128	43,997,872	10,999,465	62,998,407
2	Phòng Tổ chức - Hành chính	120,000,000	100,000,000	23,000,000	0	123,000,000	110,000,000	0	10,000,000	3,560,960	667,680	445,120	4,673,760	8,326,240	832,624	107,493,616
3	Phòng Tài chính - Kế toán	90,000,000	88,461,538	17,200,000	556,400	105,661,538	99,000,000	8,800,000	11,700,000	3,204,864	600,912	400,608	4,206,384	4,663,120	233,156	90,078,398
4	Phòng Khoa học - Kỹ thuật	50,000,000	50,000,000	9,000,000	0	59,000,000	55,000,000	0	5,000,000	1,780,480	333,840	222,560	2,336,880	1,663,120	83,156	51,579,964
II	Bộ phận sản xuất	582,400,000	581,520,000	127,000,000	556,400	708,520,000	0	0	140,000,000	24,926,720	4,673,760	3,115,840	32,716,320	0	0	536,360,080
	Tổng	912,400,000	889,981,538	184,600,000	1,112,800	1,074,581,538	297,000,000	8,800,000	169,700,000	34,541,312	6,476,496	4,317,664	45,335,472	58,650,352	12,148,401	848,510,466

Viết bằng chữ: Tám trăm bốn mươi tám triệu không trăm mười nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng./.

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngày 31 tháng 01 năm 2024

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán của Công ty)

Trích dẫn: Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương tháng 01/2024.

Biểu 2.19: Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương tháng 01/2024

Đơn vị: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Trung

Địa chỉ: Phố 9, Phường Đồng Thành - TP. Ninh Bình

Mẫu số: 11 - LDTL

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Tháng 1 năm 2024

STT	Ghi Có TK	TK 334 - Phải trả người lao động			Lương tính bảo hiểm	TK 338 - Phải trả, phải nộp khác					TK 3335 Thuế TNCN	Tổng cộng
	Đối tượng sử dụng (Ghi Nợ các TK)	Lương thực tế	Các khoản khác	Cộng Có TK 334		KPCĐ (2%)	BHXH (17.5%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Cộng Có TK 338		
1	TK 627- Chi phí SXC	581,676,400	127,000,000	708,676,400	311,584,000	6,231,680	54,527,200	9,347,520	3,115,840	73,222,240	-	781,898,640
2	TK 642- Chi phí QLDN	309,017,938	57,100,000	366,117,938	120,182,400	2,403,648	21,031,920	3,605,472	1,201,824	28,242,864	-	394,360,802
4	TK 334- Phải trả người lao động			-		-	34,541,312	6,476,496	4,317,664	45,335,472	12,148,401	57,483,873
5	TK 338- Phải trả, phải nộp khác		1,112,800	1,112,800								1,112,800
	Tổng cộng	890,694,338	185,212,800	1,075,907,138	431,766,400	8,635,328	110,100,432	19,429,488	8,635,328	146,800,576	12,148,401	1,234,856,115

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 1 năm 2024

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán của Công ty)

Căn cứ vào bảng tính lương toàn bộ công ty tháng 01/2024, kế toán viết phiếu chi.

Biểu 2.20. Phiếu chi tiền lương cho toàn công ty tháng 01/2024

Đơn vị: Công ty TNHH XD & TM Thành Trung		Mẫu số 02 – TT	
Địa chỉ: Phòng tài chính kế toán		(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)	
PHIẾU CHI		Quyển số: 16	
<i>Ngày 10 tháng 02 năm 2024</i>		Số: 30	
		Nợ: 334	
		Có: 111	
Họ tên người nhận tiền: Dương Thị Hiền			
Bộ phận: Phòng tài chính kế toán			
Lý do: Thanh toán tiền lương cho công nhân viên tháng 01/ 2024			
Số tiền: 848.510.466^d (Bằng chữ: <i>Tám trăm bốn mươi tám triệu năm trăm mười nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng chẵn./.</i>)			
Kèm theo: 02 chứng từ gốc			
<i>Ngày 10 tháng 02 năm 2024</i>			
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)
Người nhận tiền (Ký, họ tên)			
Đã nhận đủ số tiền: <i>Tám trăm bốn mươi tám triệu năm trăm mười nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng chẵn./.</i>			

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán của Công ty)

Từ bảng thanh toán tiền lương từng bộ phận, kế toán tiến hành vào sổ chi tiết TK 334.

Biểu 2.21. Sổ chi tiết TK 334

Đơn vị: Công ty XD & TM Thành Trung

Mẫu số S38 - DN

Địa chỉ: Phố 9, Phường Đông Thành - TP. Ninh Bình.

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(TRÍCH) SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 334

Đối tượng: Phải trả người lao động

Tháng 1 năm 2024

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng			840,115,000
			Số phát sinh trong tháng			
05/01/24	PC	05/01/24	Tạm ứng lương cho bộ phận QLDN	111	29,700,000	
10/1/2024	PC	10/1/2024	Thanh toán lương cho CNV tháng 12/2023	111	840,115,000	
15/01/24	PC	15/1/24	Tạm ứng lương cho bộ phận Sản xuất	111	140,000,000	
31/01/24	BTL	31/01/24	Tiền lương phải trả cho CNV tháng 01/2024	642		366,061,538
31/01/24	BPBTL	31/01/24	Tiền lương phải trả cho CNV tháng 01/2024	627		708,520,000
31/01/24	BPBTL	31/01/24	Trích BHXH trừ vào lương người lao động 01/2024	3383	34,541,312	
31/01/24	BPBTL	31/01/24	Trích BHYT trừ vào lương người lao động 01/2024	3384	6,476,496	
31/01/24	BPBTL	31/01/24	Trích BHTN trừ vào lương người lao động 01/2024	3385	4,317,664	
31/01/24	BTL	31/01/24	BHXH trả thay lương	338		1,112,800
31/01/24	BTL	31/01/24	Thuế TNCN	3335	12,148,400	
			Cộng phát sinh tháng		1,067,298,872	1,075,694,338
			Số dư cuối tháng			848,510,466

-Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang 30

Ngày 31 tháng 1 năm 2024

- Ngày mở sổ: 01/01/2024

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán của Công ty)

• Quy trình ghi sổ kế toán tổng hợp:

Căn cứ vào bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương cùng các phiếu chi lương, kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung.

Biểu 2.22. Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH XD & TM Thành Trung
Địa chỉ: Phố 9, Phường Đông Thành, TP. Ninh Bình.

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(TRÍCH) SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Tháng 01 Năm 2024

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	Số TT đóng	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
A	B	C	Diễn giải	E	G	H	1	2
			Cộng chuyển trang trước sang	..	...	...	...	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
05/01/24	PC05	05/01/24	Tạm ứng lương cho bộ phận QLDN	x		334,111	29,700,000	29,700,000
10/1/2024	PC	10/1/2024	Thanh toán lương cho CNV tháng 12/2023	x		111,334	840,115,000	840,115,000
15/01/2024	PC14	15/1/2024	Tạm ứng lương cho bộ phận Sản xuất	x		334,111	140,000,000	140,000,000
31/01/24	BTL	31/01/24	Tiền lương phải trả cho bộ phận QLDN	x		642,334	366,061,538	366,061,538
31/01/24	BTL	31/01/24	Tiền lương phải trả cho bộ phận Sản xuất	x		623,334	708,520,000	708,520,000
31/01/24	BPBTL	31/01/24	Các khoản trích theo lương tháng 01/2024	x		334,338	45,335,472	45,335,472
31/01/24	GCN	31/01/24	BHXXH trả thay lương	x		338,334	1,112,800	1,112,800
31/01/24	BTL	31/01/24	Thuế TNCN	x		3335,334	12,148,400	12,148,400
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng chuyển sang trang sau		...	...	...	...

-Số này có...trang, đánh số từ trang... đến trang...

Ngày 31 tháng 1 năm 2024

-Ngày mở sổ: 01/01/2024

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán của Công ty)

Biểu 2.23. Sổ cái TK 334

Đơn vị: Công ty CP TĐĐT XD Cường Thịnh Thi
Địa chỉ: Phố 9, Phường Đông Thành - TP. Ninh Bình.

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(TRÍCH) SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Tháng 1 năm 2024
Tên tài khoản: Phải trả công nhân viên
Số hiệu: 334

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng					840,115,000
			Số phát sinh trong tháng					
05/01/24	PC05	05/01/24	Tạm ứng lương cho bộ phận QLDN			111	29,700,000	
31/01/24	PC40	31/01/24	Thanh toán lương cho CNV tháng 01/2024			111	840,115,000	
15/01/24	PC14	15/01/24	Tạm ứng lương cho bộ phận Sản xuất			111	140,000,000	
31/01/24	BTL	31/01/24	Tiền lương phải trả cho CNV tháng 01/2024			642		366,061,538
31/01/24	BTL	31/01/24	Tiền lương phải trả cho CNV tháng 01/2024			627		708,520,000
31/01/24	BPBTL	31/01/24	Các khoản trích theo lương tháng 01/2024			338	45,335,472	
31/01/24	GCN	31/01/24	BHXXH trả thay lương			338		1,112,800
31/01/24	BTL	31/01/24	Thuế TNCN			3335	12,148,400	
			Cộng phát sinh tháng	x	x	x	1,067,298,872	1,075,694,338
			Số dư cuối tháng					848,510,466

-Sổ này có...trang, đánh số từ trang... đến trang...

Ngày 31 tháng 1 năm 2024

-Ngày mở sổ: 01/01/2024

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán của Công ty)

2.3.2. Kế toán các khoản trích theo lương

2.3.2.1. Chứng từ kế toán

Chứng từ sử dụng để hạch toán các khoản trích theo lương bao gồm:

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội.
- Phiếu nghỉ hưởng BHXH.

- Bảng thanh toán BHXH.
- Các chứng từ thanh toán, chi, nộp các khoản bảo hiểm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư 59/2015/TT-BLĐTBXH, mức hưởng chế độ ốm đau được tính theo công thức như sau:

Mức hưởng chế độ ốm đau	=	Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi nghỉ việc 24 ngày	x 75 (%) x	Số ngày nghỉ việc được hưởng chế độ ốm đau
--	----------	--	-------------------	---

Biểu 2.24: Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH của nhân viên phòng kế toán

Bệnh viện tỉnh Ninh Bình	Mẫu số: C65-HD
Số KB/BA 16150	(Ban hành theo QĐ số:51/2007/QĐ-BTC Ngày 22/6/2007 của Bộ trưởng BTC)
GIẤY CHỨNG NHẬN NGHỈ VIỆC HƯỞNG BHXH	
<i>Quyển số:018541</i>	
<i>Số:39</i>	
Họ và tên: Nguyễn Thanh Thảo	Ngày sinh: 30/10/1983
Đơn vị công tác: Phòng kế toán tài chính - Công ty TNHH Xây dựng&TM Thành Trung	
Lý do nghỉ việc: Viêm dạ dày cấp	
Số ngày cho nghỉ: 05 ngày	
<i>(Từ ngày 13/01/2024 đến hết ngày 17/01/2024)</i>	
XÁC NHẬN CỦA PHỤ TRÁCH ĐƠN VỊ	<i>Ngày 20 tháng 01 năm 2024</i>
Số ngày thực nghỉ 05 ngày	Ý BÁC SĨ KCB
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán của Công ty)

Biểu 2.25: Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH của nhân viên phòng SX

Bệnh viện tỉnh Ninh Bình Số KB/BA 16150	Mẫu số: C65-HD (Ban hành theo QĐ số: 51/2007/QĐ-BTC Ngày 22/6/2007 của Bộ trưởng BTC)
GIẤY CHỨNG NHẬN NGHỈ VIỆC HƯỞNG BHXH <i>Quyển số: 018541</i> <i>Số: 40</i>	
Họ và tên: Mai Văn Nguyễn Ngày sinh: 28/08/1989 Đơn vị công tác: Đội thi công số 2- Công ty TNHH Xây dựng&TM Thành Trung Lý do nghỉ việc: Thoái hóa đốt sống cổ Số ngày cho nghỉ: 05 ngày (Từ ngày 20/01/2024 đến hết ngày 24/01/2024)	
XÁC NHẬN CỦA PHỤ TRÁCH ĐƠN VỊ	Ngày 24 tháng 01 năm 2024
Số ngày thực nghỉ 05 ngày (Ký, họ tên, đóng dấu)	Ý BÁC SĨ KCB (Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán của Công ty)

Từ giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH của nhân viên phòng Tài chính – Kế toán và phòng sản xuất, kế toán lập danh sách hưởng chế độ BHXH.

Biểu 2.26: Danh sách hưởng chế độ BHXH

Tên cơ quan đơn vị: Cty TNHH XD & TM Thành Trung

Mã đơn vị: 2700274056

Số Điện thoại: 0303875944

Mẫu 01B-HSB

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ GIẢI QUYẾT HƯỞNG CHẾ ĐỘ, ỐM ĐAU, THAI SẢN,
DUỠNG SỨC PHỤC HỒI SỨC KHỎE

Tháng 01 năm 2024

STT	Họ và tên	Mã số BHXH	Số ngày nghỉ được tính hưởng trợ cấp			Thông tin về tài khoản nhận trợ cấp	Chỉ tiêu xác định điều kiện, mức hưởng	Ghi chú
			Từ ngày	Đến ngày	Tổng số			
A	B	1	2	3	4	C	D	E
A	CHẾ ĐỘ ỐM ĐAU							
I	Ốm thường							
II	Ốm dài ngày							
1	Nguyễn Thanh Thảo	...	13/01/2024	17/01/2024	4	...	Viêm dạ dày cấp	
2	Mai Văn Nguyễn	...	20/01/2024	24/01/2024	4	...	Thoái hóa đốt sống cổ	
III	Con ốm							
B	CHẾ ĐỘ THAI SẢN							
C	NGHỈ DUỠNG SỨC PHỤC HỒI SỨC KHỎE							

Ngày 31 tháng 01 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán của Công ty)

Trích dẫn: Chị Nguyễn Thanh Thảo trong tháng 01 năm 2024 có xin nghỉ viêm da dầy cấp.

- Tiền lương đóng BHXH của tháng liền kề trước tháng nghỉ: 4.451.200 đồng

- Số ngày nghỉ: 4 ngày (Từ ngày 13/01/2024 đến ngày 17/01/2024)

=> Vậy mức hưởng chế độ ốm đau của chị Thảo là:

$= \frac{4.451.200 \text{ đồng}}{24} \times 75\% \times 4 = 556.400 \text{ đồng}$

Kế toán nộp tiền BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN tháng 01/2024 cho cơ quan bảo hiểm xã hội

Biểu số 2.27. Ủy nhiệm chi nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ

		ỦY NHIỆM CHI		Số: 2889..... Liên 2: Khách hàng Số bút toán: Loại tiền: VNĐ							
TÊN CHI NHÁNH: Tỉnh Ninh Bình		Ngày: 31/01/2024									
Đơn vị trả tiền: CÔNG TY TNHH XD & TM THÀNH TRUNG Số tài khoản: 3300 20100 3487 Điện thoại: 0303.888.386 Tại ngân hàng: No&PTNT Tỉnh Ninh Bình Đơn vị thụ hưởng: BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH NINH BÌNH Số tài khoản: Tại ngân hàng: No&PTNT Tỉnh Ninh Bình Số tiền bằng chữ: Một trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng chẵn./. Nội dung: Thanh toán tiền BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ tháng 01/2024				<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td>Dành cho ngân hàng</td> </tr> <tr> <td>Tài khoản ghi nợ:</td> </tr> <tr> <td> </td> </tr> <tr> <td>Tài khoản ghi có:</td> </tr> <tr> <td> </td> </tr> <tr> <td>Số tiền bằng số: 146.800.576</td> </tr> </table>		Dành cho ngân hàng	Tài khoản ghi nợ:		Tài khoản ghi có:		Số tiền bằng số: 146.800.576
Dành cho ngân hàng											
Tài khoản ghi nợ:											
Tài khoản ghi có:											
Số tiền bằng số: 146.800.576											
Đơn vị trả tiền		Ngân hàng A Ghi số ngày: 31/1/2024		Ngân hàng B Ghi số ngày:/...../.....							
Kế toán trưởng	Chủ tài khoản	Giao dịch viên	Kiểm soát	Giao dịch viên	Kiểm soát						

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán của Công ty)

2.1.1.1. Tài khoản kế toán

TK 338 - “ Phải trả phải nộp khác”: Tài khoản này dùng để phản ánh tính hình thanh toán về các khoản phải nộp cho cơ quan pháp luật, cho các tổ chức, đoàn thể xã hội, cho cấp trên về BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, các khoản khấu trừ vào lương

Với TK này Công ty sử dụng các TK chi tiết cấp 2 là:

+ TK 3382: "Kinh phí công đoàn" phản ánh tình hình trích và thanh toán

kinh phí công đoàn của đơn vị.

+ TK 3383: "Bảo hiểm xã hội" phản ánh tình hình trích và thanh toán BHXH theo quy định.

+ TK 3384: "Bảo hiểm y tế" phản ánh tình hình trích và thanh toán BHYT theo quy định.

+ TK 3386: "Bảo hiểm thất nghiệp" phản ánh tình hình trích và thanh toán BHTN theo quy định.

2.3.2.2. Quy trình ghi sổ kế toán

❖ Quy trình ghi sổ chi tiết

Từ bảng thanh toán lương của các bộ phận, kế toán vào sổ chi tiết các tài khoản 3382, 3383, 3384, 3386.

Biểu 2.28. Sổ chi tiết tài khoản 3382

Đơn vị: Công ty XD & TM Thành Trung

Mẫu số S38 - DN

Địa chỉ: Phố 9, Phường Đồng Thành - TP. Ninh Bình.

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(TRÍCH) SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 3382

Đối tượng: Kinh phí công đoàn

Tháng 1 năm 2024

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Sổ phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng		0	
			Số phát sinh trong tháng			
31/01/24	BPBTL	31/01/24	Trích BHXH trừ vào các khoản chi phí	627		6,231,680
31/01/24	BPBTL	31/01/24		642		2,403,648
31/01/24	UNC	31/01/24	Nộp tiền BHXH cho cơ quan bảo hiểm	112	8,635,328	
			Cộng phát sinh tháng		8,635,328	8,635,328
			Số dư cuối tháng		0	

-Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang 30

Ngày 31 tháng 1 năm 2024

- Ngày mở sổ: 01/01/2024

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán của Công ty)

Biểu 2.29. Sổ chi tiết tài khoản 3383

Đơn vị: Công ty XD & TM Thành Trung

Mẫu số S38 - DN

Địa chỉ: Phố 9, Phường Đồng Thành - TP. Ninh Bình.

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(TRÍCH) SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 3383

Đối tượng: Bảo hiểm xã hội

Tháng 1 năm 2024

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng		0	
			Số phát sinh trong tháng			
31/01/24	BPBTL	31/01/24	BHXX trừ vào lương CNV 8%	334		34,541,312
31/01/24	BPBTL	31/01/24	Trích BHXX trừ vào các khoản chi phí	627		54,527,200
31/01/24	BPBTL	31/01/24		642		21,031,920
31/01/24	UNC	31/01/24	Nộp tiền BHXX cho cơ quan bảo hiểm	112	110,110,432	
			Cộng phát sinh tháng		110,110,432	110,100,432
			Số dư cuối tháng		0	

-Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang 30

Ngày 31 tháng 1 năm 2024

- Ngày mở sổ: 01/01/2024

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán của Công ty)

Biểu 2.30. Sổ chi tiết tài khoản 3384

Đơn vị: Công ty XD & TM Thành Trung

Mẫu số S38 - DN

Địa chỉ: Phố 9, Phường Đông Thành - TP. Ninh Bình.

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(TRÍCH) SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 3384

Đối tượng: Bảo hiểm y tế

Tháng 1 năm 2024

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng		0	
			Số phát sinh trong tháng			
31/01/24	BPBTL	31/01/24	BHYT trừ vào lương CNV 1.5%	334		6,476,496
31/01/24	BPBTL	31/01/24	Trích BHXH trừ vào các khoản chi phí	627		9,347,520
31/01/24	BPBTL	31/01/24		642		3,605,472
31/01/24	UNC	31/01/24	Nộp tiền BHXH cho cơ quan bảo hiểm	112	19,429,488	
			Cộng phát sinh tháng		19,429,488	19,429,488
			Số dư cuối tháng		0	

-Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang 30

Ngày 31 tháng 1 năm 2024

- Ngày mở sổ: 01/01/2024

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký; họ tên)

(Ký; họ tên)

(Ký; họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán của Công ty)

Biểu 2.31. Sổ chi tiết tài khoản 8336

Đơn vị: Công ty XD & TM Thành Trung				Mẫu số S38 - DN		
Địa chỉ: Phố 9, Phường Đông Thành - TP. Ninh Bình.				(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC)		
				Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)		
(TRÍCH) SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN Tài khoản: 3386 Đối tượng: Bảo hiểm thất nghiệp Tháng 1 năm 2024						
<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>						
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng		0	
			Số phát sinh trong tháng			
31/01/24	BPBTL	31/01/24	BHYT trừ vào lương CNV 1.5%	334		3,115,840
31/01/24	BPBTL	31/01/24	Tích BHXH trừ vào các khoản chi phí	627		1,201,824
31/01/24	BPBTL	31/01/24		642		4,317,664
31/01/24	UNC	31/01/24	Nộp tiền BHXH cho cơ quan bảo hiểm	112	8,635,328	
			Cộng phát sinh tháng		8,635,328	8,635,328
			Số dư cuối tháng		0	

-Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang 30

- Ngày mở sổ: 01/01/2024

Ngày 31 tháng 1 năm 2024

Người ghi sổ

(Ký; họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký; họ tên)

Giám đốc

(Ký; họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán của Công ty)

❖ Quy trình ghi sổ tổng hợp

Từ bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương cùng bảng thanh toán tiền lương, kế toán lập sổ nhật ký chung.

Biểu 2.32. Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH XD & TM Thành Trung Địa chỉ: Phố 9, Phường Đông Thành, TP. Ninh Bình.						Mẫu số S03a - DN (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)		
(TRÍCH) SỔ NHẬT KÝ CHUNG <i>Tháng 01 Năm 2024</i>						Đơn vị tính: VNĐ		
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	Số TT đồng	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
A	B	C	Diễn giải	E	G	H	1	2
			Cộng chuyển trang trước sang	..	...	...	...	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/01/24	BTPBTL	31/01/24	Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ từ vào CP SXC	x		334,111	73,222,240	73,222,240
31/01/24	BTPBTL	31/01/24	Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ từ vào CP QLDN	x		334,111	28,242,864	28,242,864
31/01/24	BTPBTL	31/01/24	Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ từ vào lương CNV	x		642,334	45,335,472	45,335,472
31/01/24	GCN	31/01/24	BHXX trả thay lương	x		623,334	1,112,800	1,112,800
31/01/24	UNC	31/01/24	Nộp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ cho cơ quan bảo hiểm	x		334,338	146,800,576	146,800,576
31/01/24	GBC	31/02/24	BHXX thanh toán trợ cấp ốm, đau	x		338,334	1,112,800	1,112,800
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng chuyển sang trang sau		...	...	...	...
-Số này có...trang, đánh số từ trang... đến trang... -Ngày mở sổ: 01/01/2024 Người lập biểu (Ký, họ tên)						Ngày 31 tháng 1 năm 2024 Kế toán trưởng (Ký, họ tên) Người đại diện theo pháp luật (Ký, họ tên)		

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán của Công ty)

Biểu 2.33. Sổ cái tài khoản 338

Đơn vị: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Trung Địa chỉ: Phố 9, Phường Đông Thành - TP. Ninh Bình.				Mẫu số S03b - DN (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)				
(TRÍCH) SỔ CÁI (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung) Tháng 1 năm 2024 Tên tài khoản: Phải trả phải nộp khác Số hiệu: 338								
Đơn vị tính: VNĐ								
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng					
			Số phát sinh trong tháng					
31/01/24	BPBTL	31/01/24	Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ trừ vào chi phí			627		73,222,240
31/01/24	BPBTL	31/01/24				642		28,242,864
31/01/24	BPBTL	31/01/24	Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ trừ vào chi phí			334		45,335,472
31/01/24	PC40	31/01/24	Nộp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ cho cơ quan bảo hiểm			112	146,800,576	
			Cộng phát sinh tháng	x	x	x	146,800,576	146,800,576
			Số dư cuối tháng					
-Số này có...trang, đánh số từ trang... đến trang... -Ngày mở sổ: 01/01/2024				Ngày 31 tháng 1 năm 2024				
Người lập biểu (Ký, họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, họ tên)			Giám đốc (Ký, họ tên đóng dấu)		

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán của Công ty)

Chương 3**MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI THÀNH TRUNG****3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI THÀNH TRUNG****3.1.1. Ưu điểm**

Tiền lương ảnh hưởng đến cá nhân người lao động trên các mặt kinh tế, xã hội, tâm lý. Chính vì thế, Công ty đã căn cứ vào đặc điểm sản xuất của mình và đã xây dựng hệ thống tiền lương cho người lao động phù hợp với yêu cầu công việc, gìn giữ và động viên họ thực hiện công việc một cách tốt nhất.

- Công ty đã áp dụng chính sách tiền lương theo đúng các điều khoản của Bộ luật Lao động về hệ thống thang bảng lương, tiền lương tối thiểu, trả lương cho lao động khi làm thêm giờ, phụ cấp...

- Công ty đã xác định đúng đắn và hợp lý các tiêu chuẩn trả lương bao gồm: tiêu thức để trả lương, điều kiện trả lương, thời điểm trả lương và mức lương.

- Công ty đã sử dụng tiền lương cho thực hiện công việc như là một bộ phận của hệ thống quản lý nguồn nhân lực thống nhất.

- Công ty đã xây dựng sự tin tưởng cho công nhân viên về tính hợp lý và hiệu quả của hệ thống tiền lương.

- Công ty đã xây dựng bầu không khí làm việc với quan niệm thực hiện công việc sẽ dẫn đến các mức tiền lương khác nhau, phụ thuộc vào sự cố gắng và phần đầu của từng cá nhân, tập thể.

- Công ty đã sử dụng một hệ thống tiền lương với các hình thức trả lương đa dạng, phong phú để phát huy ưu điểm và khắc phục nhược điểm của từng hình thức.

- + Công ty đã áp dụng hình thức trả lương khoán một cách hiệu quả phù hợp với đặc điểm ngành nghề kinh doanh của mình. Công ty đã tiến hành giao khoán

lương cho các đơn vị theo từng công trình (tiền lương sẽ được trả theo khối lượng công việc mà công nhân hoàn thành ghi trong phiếu giao khoán) đã khuyến khích công nhân hoàn thành nhiệm vụ trước thời hạn mà vẫn đảm bảo chất lượng công việc thông qua hợp đồng giao khoán chặt chẽ.

Nhìn chung, Công ty đã có nhiều đổi mới, sáng tạo trong việc quản lý và trả lương cho cán bộ công nhân viên. Việc trả lương một cách hiệu quả và hợp lý góp phần nâng cao đời sống cho mọi người cả về vật chất lẫn tinh thần; bên cạnh đó việc quản lý tiền lương cũng được tiến hành một cách khoa học, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty.

3.1.2. Tồn tại

Mặc dù công tác quản lý tiền lương luôn được Công ty đổi mới hoàn thiện, tuy nhiên vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế dẫn đến chưa phát huy hết tác dụng đòn bẩy kinh tế của tiền lương.

- *Hình thức trả lương*: Công ty vẫn đang trả lương bằng tiền mặt.

- *Đối với hình thức trả lương theo sản phẩm* đôi khi dẫn đến tình trạng người lao động ít quan tâm đến đảm bảo chất lượng sản phẩm, tiết kiệm nguyên vật liệu và sử dụng hợp lý máy móc thiết bị. Nhiều trường hợp người lao động không muốn làm những công việc đòi hỏi trình độ lành nghề cao vì khó vượt mức lao động, dẫn đến giảm hiệu quả sản xuất.

- *Đối với hình thức trả lương theo thời gian* thì tiền lương nhận được không liên quan trực tiếp đến sự đóng góp lao động của công nhân gây tình trạng nhiều người chỉ đến Công ty chấm công và nhận lương; không khuyến khích phát huy khả năng làm việc, tính sáng tạo trong công việc của người lao động.

- *Chế độ khen thưởng* của Công ty không rõ ràng, không khuyến khích được tinh thần lao động của công nhân.

- *Đối với việc hạch toán*, tại Công ty còn chậm trễ, việc ứng dụng tin học, kế toán máy vào quá trình hạch toán kế toán còn chưa linh động.

3.2. MỘT SỐ PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI THÀNH TRUNG

3.2.1. Về hình thức tiền lương

So với hình thức nhận tiền trực tiếp thì nhận tiền qua tài khoản ngân hàng, thẻ ATM mang lại nhiều ưu điểm và thuận lợi cho doanh nghiệp cũng như người lao động.

+ Đối với doanh nghiệp: sẽ tiết kiệm được nhân lực và thời gian để thực hiện việc chi trả lương, giảm bớt lượng tiền mặt tồn quỹ, từ đó hạn chế được rủi ro mất mát.

+ Đối với người lao động: Đem lại các tiện lợi và lợi ích của việc sử dụng tài khoản cá nhân và thẻ thanh toán về các khía cạnh tiết kiệm thời gian, công sức và đặc biệt là đảm bảo an toàn cá nhân; thay đổi dần nhận thức và thói quen sử dụng tiền mặt bằng văn hóa giao dịch qua ngân hàng hoặc thanh toán tự động điện tử trên cơ sở ứng dụng công nghệ hiện đại trong việc thanh toán các dịch vụ cung ứng điện, nước, điện thoại, viễn thông, truyền hình... góp phần từng bước nâng cao chất lượng đời sống.

3.2.2. Về chế độ khen thưởng

Hiện nay công ty đang áp dụng chính sách tính lương theo thời gian và theo sản phẩm tuy rất phù hợp với công ty như trong tháng vẫn còn một số phát sinh. Công ty nên xây dựng chế độ tiền lương thưởng hợp lý. Tiền thưởng có vai trò rất quan trọng, nó kích thích người lao động làm việc tận tụy hơn, có trách nhiệm với công việc hơn. Vì vậy, Công ty cần có một chế độ khen thưởng hợp lý ngoài hình thức khen thưởng định kỳ và các dịp lễ Tết để kịp thời khen thưởng đội viên, các cá nhân, tập thể đã có những cống hiến giúp công ty ngày càng phát triển tốt hơn.

Công ty nên đề ra kế hoạch sản xuất nếu hoàn thành vượt mức kế hoạch tùy theo mức cao thấp để phân ra mức hoàn thành xuất sắc hay khá giỏi, từ đó phân loại A, B, C để xét cho các bộ phận.

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ:

- Loại A thưởng 60% lương cơ bản;
- Loại B thưởng 40% lương cơ bản;
- Loại C thưởng 20% lương cơ bản.

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ:

- Loại A thưởng 40% lương cơ bản;
- Loại B thưởng 30% lương cơ bản;
- Loại C thưởng 10% lương cơ bản.

3.2.3. Về ứng dụng công nghệ thông tin

- Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán, Công ty nên chọn và áp dụng một phần mềm thích hợp với nhu cầu sử dụng và tình hình kinh doanh của Công ty. Áp dụng phần mềm kế toán sẽ làm cho công việc của phòng kế toán nhẹ nhàng hơn, đơn giản hơn, chính xác hơn. Việc này còn làm cho việc quản lý số lượng sổ sách, chứng từ kế toán gọn nhẹ hơn.

3.3. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN GIẢI PHÁP

3.3.1. Đối với cá nhân – nhân viên kế toán

Họ cần nhận thức được công việc kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương rất quan trọng. Vì nó là một bộ phận cấu thành nên giá thành sản xuất. Vì vậy, người làm nghiệp vụ kế toán tiền lương phải là người có trình độ chuyên môn tức là hiểu biết về lĩnh vực tiền lương và các chính sách chế độ BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ. Muốn vậy, nhân viên kế toán phải thường xuyên nghiên cứu, học hỏi, tìm hiểu những thay đổi chính sách của Nhà nước, tình hình kinh tế trong và ngoài nước để kịp thời thay đổi những thay đổi về chính sách, pháp luật kinh tế của Nhà nước, chuẩn mực kế toán, kịp thời tiếp cận với sự thay đổi của nền kinh tế thế giới.

3.3.2. Đối với công ty

Để công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương của công ty thực sự phát huy hết vai trò của nó là công cụ hữu hiệu trong công tác quản lý, để từ đó nâng cao mức sống cho người lao động và để công ty ngày một phát

triển thì Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Trung nói chung và công tác kế toán nói riêng phải không ngừng nghiên cứu để hoàn thiện hơn hình thức trả lương hiện nay của công ty để quản lý tốt lao động và nâng cao hiệu quả lao động.

Công ty cần thêm nhiều chính sách khen thưởng đối với cá nhân tổ chức hoàn thành tốt nhiệm vụ hay có những ý tưởng sáng tạo thúc đẩy sản xuất phát triển doanh nghiệp. Đồng thời tạo điều kiện để nhân viên của công ty có thể nâng cao trình độ thông qua các khóa tập huấn của Bộ tài chính, cử họ đi học các khoá học ngắn hạn hoặc dài hạn. Công ty nên thường xuyên kiểm tra được chấp hành kỷ luật lao động và sử dụng thời gian lao động. Việc phối hợp nhiều biện pháp sẽ tạo cho người lao động tự giác lao động có kỷ luật, có kỹ thuật và năng suất hơn

3.3.3. Về phía nhà nước

Để giúp các doanh nghiệp, các cá nhân nhận rõ được vai trò quan trọng của việc kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương thì Nhà nước phải:

- + Có hệ thống pháp luật chặt chẽ, nghiên cứu và sửa đổi kịp thời các chính sách kinh tế, các chuẩn mực kế toán cho phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước.

- + Đưa ra các biện pháp thưởng hoặc phạt nghiêm minh, rõ ràng đối với những doanh nghiệp thực hiện tốt hoặc không tốt các quy định pháp luật của Nhà nước. Điều này sẽ là động lực giúp các doanh nghiệp thực hiện đúng pháp luật Nhà nước, tạo điều kiện cho nền kinh tế đất nước phát triển lành mạnh.

Tóm lại: Việc hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương là rất quan trọng không chỉ đối với các doanh nghiệp mà còn với sự phát triển chung của đất nước. Vì vậy cần phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa cá nhân (nhân viên kế toán), doanh nghiệp và Nhà nước.

PHẦN KẾT LUẬN

Chính sách tiền lương là một bộ phận quan trọng trong hệ thống chính sách kinh tế xã hội của Nhà nước. Chính sách này có liên quan chặt chẽ với toàn bộ quá trình tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế nói chung và của mỗi Doanh nghiệp nói riêng. Hoàn thiện quản lý tiền lương cho phù hợp với nhu cầu phát triển là hết sức quan trọng và cần thiết trong mỗi Doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng này, Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Thành Trung đã coi công tác quản lý tiền lương như một công cụ hữu hiệu nhất nhằm thúc đẩy quá trình sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất và chất lượng lao động của cán bộ công nhân viên, để từ đó giúp Doanh nghiệp ngày càng phát triển, đồng thời thu nhập của người lao động cũng ngày càng tăng lên.

Trong thời gian thực tập tại Công ty, em đã cố gắng vận dụng lý thuyết được học kết hợp với việc phân tích công tác lao động tiền lương ở Công ty để tìm ra các ưu điểm và hạn chế còn tồn tại và mạnh dạn đưa ra một số đề xuất để công tác quản lý tiền lương của Công ty được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin cảm ơn sự giúp đỡ và chỉ bảo nhiệt tình của Ban giám đốc, cán bộ cũng như các cô chú anh chị trong toàn Công ty và đặc biệt là các anh chị phòng tài chính – kế toán đã tạo điều kiện cho em tìm hiểu và hoàn thành bài báo cáo này.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn, giúp đỡ và chỉ bảo tận tình của các thầy cô giáo trong Khoa kinh tế kỹ thuật của Trường Đại học Hoa Lư đặc biệt là Giảng viên **ThS. Lê Thị Uyên** đã trực tiếp hướng dẫn giúp em hoàn thành bài báo cáo này.

Do thời gian thực tập có hạn và chưa có nhiều kinh nghiệm cũng như kiến thức thực tế nên trong bài báo cáo này em khó tránh khỏi những khuyết điểm sai sót. Vậy em rất mong sự góp ý và chỉ bảo của các thầy cô giáo, ban lãnh đạo công ty và phòng kế toán giúp đỡ để bài báo cáo của em được hoàn thiện hơn.

Ninh Bình, ngày tháng 05 năm 2024

Sinh viên

Giáo viên hướng dẫn

Sinh viên thực hiện

ThS. Lê Thị Uyên

Hà Thị Huế

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Đông (2013), “*Hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp*”, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Hương Giang (2022), *Thực trạng và một số giải pháp hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Minh Trang*, Trường Đại học Hoa Lư.
3. Bùi Thị Minh Hải (2023), *Thực trạng và giải pháp hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Hải Nam*, Trường Đại học Hoa Lư.
4. Tạ Thị Lương (2023), *Thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH may Đông Thịnh Hưng*, Trường Đại học Hoa Lư.
5. Tài liệu trong Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Trung: hệ thống sổ kế toán, báo cáo tài chính, ...
6. Thông tư 200-2014/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.
7. Trang web: www.webketoan.com, www.tailieu.vn...